
PHẦN 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN
VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP****1.1. CƠ SỞ HẠCH TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH
NGHIỆP****1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu:**

Trong các doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu là đối tượng lao động, thể hiện dưới dạng vật hoá, là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm.

Trong quá trình tham gia vào sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất nhất định, nguyên vật liệu bị tiêu hao toàn bộ và không giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu mà giá trị của nguyên vật liệu được chuyển toàn bộ một lần vào chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm mới làm ra.

1.1.2. Đặc điểm vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất**1.1.2.1. Đặc điểm nguyên vật liệu**

Nguyên vật liệu có các đặc điểm sau:

Thứ nhất, về mặt vốn: Nguyên vật liệu là thành phần quan trọng của vốn lưu động, đặc biệt là vốn dự trữ của doanh nghiệp. Để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, doanh nghiệp cần phải tăng tốc luân chuyển vốn lưu động và điều đó không thể tách rời việc dự trữ, sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả, hợp lý nhất.

Thứ hai, về mặt giá trị: khác với tư liệu lao động, khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nguyên vật liệu bị tiêu hao toàn bộ, không giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu và chuyển dịch toàn bộ giá trị một lần vào chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

Về mặt kỹ thuật, nguyên vật liệu là những tài sản vật chất tồn tại dưới nhiều dạng khác nhau, phức tạp vì đời sống lý hoá nên dễ bị tác động của thời tiết, khí

hậu và môi trường xung quanh.

Trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng cao trong tài sản ngắn hạn và tổng chi phí sản xuất, để tạo ra sản phẩm thì nguyên vật liệu có một vị trí hết sức quan trọng.

1.1.2.2. Vai trò của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất

Nguyên vật liệu có vị trí hết sức quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, nếu thiếu nguyên vật liệu thì không thể tiến hành được các hoạt động sản xuất vật chất.

Chi phí về các loại vật liệu thường chiếm một tỉ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất. Do đó vật liệu không chỉ quyết định đến mặt số lượng của sản phẩm, mà nó còn ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm tạo ra. Nguyên vật liệu có đảm bảo đúng quy cách, chủng loại, sự đa dạng thì sản phẩm sản xuất mới đạt được yêu cầu và phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của xã hội.

Như ta đã biết, trong quá trình sản xuất vật liệu bị tiêu hao toàn bộ không giữ nguyên được hình thái vật chất ban đầu, giá trị của nó chuyển một lần toàn bộ vào giá trị sản phẩm mới tạo ra. Quản lý vật liệu là yếu tố khách quan của mọi nền sản xuất xã hội. Tuy nhiên do trình độ sản xuất khác nhau nên phạm vi mức độ và phương pháp quản lý cũng khác nhau. Do đó, tăng cường quản lý công tác kế toán nguyên vật liệu đảm bảo việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nhằm hạ thấp chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng thu nhập cho doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng. Việc quản lý vật liệu phải bao gồm các mặt như: số lượng cung cấp, chất lượng chủng loại và giá trị. Bởi vậy, công tác kế toán nguyên vật liệu là điều kiện không thể thiếu được trong toàn bộ công tác quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước nhằm cung cấp kịp thời đầy đủ và đồng bộ những vật liệu cần thiết cho sản xuất, kiểm tra được các định mức dự trữ, tiết kiệm vật liệu trong sản xuất, ngăn ngừa và hạn chế mất mát, hư hỏng, lãng phí trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất. Đặc biệt là cung cấp thông tin cho

các bộ phận kế toán nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ kế toán quản trị.

1.1.3. Phân loại nguyên vật liệu

Trong các doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu bao gồm nhiều loại nhiều thứ khác nhau. Mỗi loại có vai trò, công dụng, tính chất lý hoá rất khác nhau và biến động liên tục hàng ngày trong quá trình sản xuất kinh doanh. Tuy theo nội dung kinh tế và chức năng của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh mà nguyên vật liệu trong doanh nghiệp có sự phân chia thành các loại khác nhau.

➤ *Nếu căn cứ vào công dụng chủ yếu của vật liệu thì vật liệu được chia thành các loại:*

– Nguyên vật liệu chính: là những loại nguyên liệu, vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy khái niệm nguyên vật liệu chính gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ... không đặt ra khái niệm vật liệu chính, vật liệu phụ. Nguyên liệu, vật liệu chính cũng bao gồm cả nửa thành phẩm mua ngoài với mục đích tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra thành phẩm.

– Vật liệu phụ: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bên ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo ra sản phẩm được thực hiện bình thường, hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản đóng gói; phục vụ cho quá trình lao động

– Nhiên liệu: Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, rắn hoặc khí.

– Phụ tùng thay thế: Là những vật tư dùng để thay thế, sửa chữa máy móc

thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất...

– Thiết bị xây dựng cơ bản: Là những loại vật liệu và thiết bị để sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

– Vật liệu khác: là những loại vật liệu chưa được xếp vào các loại trên, thường là các vật liệu được loại ra từ quá trình sản xuất: sắt, thép, gỗ vụn,.. hay phế liệu thu hồi được từ việc thanh lý tài sản cố định.

Ý nghĩa:

Cách phân loại này là cơ sở để xác định mức tiêu hao cho từng loại, từng thứ nguyên vật liệu và cũng là cơ sở để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Ngoài cách phân loại phổ biến trên, các doanh nghiệp có thể phân loại nguyên vật liệu theo nhiều cách khác nữa. Mỗi cách phân loại đều có ý nghĩa riêng và nhằm phục vụ các yêu cầu quản lý khác nhau.

➤ *Theo nguồn hình thành, vật liệu bao gồm:*

– Vật liệu mua ngoài

– Vật liệu sản xuất

– Vật liệu từ các nguồn khác như: nhận cấp phát, góp vốn liên doanh, biếu, tặng thưởng...

Ý nghĩa:

Cách phân loại này tạo tiền đề cho việc quản lý và sử dụng riêng các loại nguyên vật liệu từ các nguồn nhập khác nhau, do đó đánh giá được hiệu quả sử dụng vật liệu trong sản xuất. Hơn nữa, còn đảm bảo việc phản ánh nhanh chóng, chính xác số hiện có và tình hình biến động từng loại nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp. Nhưng cách phân loại này không phản ánh chi tiết được từng loại nguyên vật liệu.

➤ *Theo quyền sở hữu vật liệu bao gồm:*

- Vật liệu tự có
- Vật liệu nhận gia công hoặc giữ hộ

Ý nghĩa:

Cách phân loại này là cơ sở để doanh nghiệp theo dõi nắm bắt tình hình hiện có của vật liệu, từ đó lên kế hoạch thu mua, dự trữ vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp .

➤ *Theo mục đích và nơi sử dụng nguyên vật liệu, gồm:*

- Vật liệu trực tiếp dùng cho sản xuất
- Vật liệu dùng cho nhu cầu khác như quản lý phân xưởng, quản lý doanh nghiệp, tiêu thụ sản phẩm...

Ý nghĩa:

Với cách phân loại này, doanh nghiệp sẽ nắm bắt được tình hình sử dụng vật liệu tại các bộ phận và cho các nhu cầu khác từ đó điều chỉnh, cân đối cho phù hợp với kế hoạch sản xuất, tiêu thụ...

Để phục vụ cho việc quản lý vật tư một cách tỉ mỉ, chặt chẽ đặc biệt trong điều kiện ứng dụng tin học vào công tác kế toán cần phải lập danh điểm vật liệu. Đó là quy định cho mỗi thứ vật liệu một ký hiệu riêng bằng hệ thống các chữ số (kết hợp với các chữ cái) thay thế tên gọi, quy cách, kích cỡ của chúng. Tùy theo từng doanh nghiệp hệ thống danh điểm vật tư được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải luôn đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Thông thường hay dùng ký hiệu tài khoản cấp 1, 2 để ký hiệu loại, nhóm vật liệu kết hợp tên chữ cái vật tư để ký hiệu tên vật tư. Danh điểm vật tư được sử dụng thống nhất giữa các bộ phận quản lý liên quan trong doanh nghiệp nhằm thống nhất trong quản lý từng loại vật tư.

1.1.4.Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu

1.1.4.1. Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu

Quản lý vật liệu là yếu tố khách quan của mọi nền sản xuất xã hội. Tuy nhiên do trình độ sản xuất khác nhau nên phạm vi và mức độ quản lý cũng khác nhau. Công tác quản lý vật liệu là nhiệm vụ của tất cả mọi người nhằm giảm bớt sự hao phí nhưng hiệu quả mang lại là cao nhất.

Công tác hạch toán vật liệu ảnh hưởng đến việc tính giá thành nên muốn tính được chính xác giá thành thì việc tính chi phí nguyên vật liệu phải chính xác. Xuất phát từ vai trò, đặc điểm của vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ vật liệu từ khâu thu mua đến khâu dự trữ, bảo quản và sử dụng.

▪ *Trong khâu thu mua:* Đòi hỏi phải quản lý về khối lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại, giá mua và chi phí thu mua cũng như kế hoạch mua theo đúng tiến độ, thời gian phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

▪ *Trong khâu bảo quản:* Để tránh mất mát, hư hỏng, hao hụt, đảm bảo an toàn vật liệu, thì việc tổ chức tốt kho tàng, bến bãi, thực hiện đúng chế độ quản lý đối với từng loại vật liệu cũng ảnh hưởng không nhỏ tới quá trình sản xuất và kết quả sản xuất kinh doanh.

▪ *Trong khâu sử dụng:* Đòi hỏi phải thực hiện sử dụng hợp lý, tiết kiệm trên cơ sở các định mức, dự toán chi phí nhằm hạ thấp mức tiêu hao vật liệu trong giá thành sản phẩm, tăng thu nhập, tích lũy cho doanh nghiệp. Vì vậy, trong khâu này cần tổ chức tốt việc ghi chép, phản ánh tình hình xuất dùng và sử dụng vật liệu trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

▪ *Trong khâu dự trữ:* Doanh nghiệp phải xác định được mức dự trữ tối đa, tối thiểu cho từng loại vật liệu để đảm bảo quá trình sản xuất kinh doanh được bình thường, không bị ngưng trệ, gián đoạn do việc cung ứng không kịp thời hoặc gây tình trạng ứ đọng vốn do dự trữ quá nhiều.

Tóm lại vật liệu là yếu tố đầu tiên trong quá trình tạo ra sản phẩm. Muốn sản phẩm đạt tiêu chuẩn, chất lượng cao và đạt được uy tín trên thị trường nhất thiết phải tổ chức việc quản lý vật liệu. Đây là một trong những nội dung quan

trọng của công tác quản lý tài sản ở doanh nghiệp.

1.1.4.2. Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu

Khi tiến hành công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp kế toán cần thiết phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

– Thực hiện tốt việc phân loại đánh giá nguyên vật liệu phù hợp với các nguyên tắc chuẩn mực kế toán đã quy định và yêu cầu trong quản trị doanh nghiệp.

– Tổ chức ghi chép phản ánh tổng hợp số liệu về tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, tình hình nhập xuất tồn kho. Xác định đúng giá trị vốn của nguyên vật liệu nhập xuất kho nhằm cung cấp thông tin chính xác kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý sản xuất.

– Tập hợp và phản ánh đầy đủ, chính xác số lượng và giá trị nguyên vật liệu xuất kho. Kiểm tra tình hình và chấp hành các quy định về định mức tiêu hao nguyên vật liệu.

– Phân bổ hợp lý giá trị sử dụng vào các đối tượng tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh.

– Kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch thu mua nguyên vật liệu, kế hoạch sử dụng cho sản xuất. Tổ chức đánh giá nguyên vật liệu tồn kho theo đúng chế độ quy định. Phát hiện kịp thời nguyên vật liệu thiếu thừa và ứ đọng, kém phẩm chất để doanh nghiệp có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế mức tối đa thiệt hại có thể xảy ra.

– Tổ chức chứng từ, tài khoản kế toán, sổ kế toán phù hợp với phương pháp hàng tồn kho áp dụng trong doanh nghiệp để việc ghi chép phân loại tổng hợp số liệu đầy đủ, kịp thời với mục đích cuối cùng là cung cấp thông tin lập báo cáo tài chính và phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.1.5. Đánh giá nguyên vật liệu

1.1.5.1. Nguyên tắc đánh giá Nguyên vật liệu

Đánh giá nguyên vật liệu là việc dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của nguyên vật liệu theo những nguyên tắc nhất định.

–*Nguyên tắc giá gốc*: Theo chuẩn mực 02-Hàng tồn kho, vật liệu phải được đánh giá theo giá gốc. Giá gốc hay được gọi là trị giá vốn thực tế của vật liệu là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được những vật liệu đó ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

–*Nguyên tắc thận trọng*: Vật liệu được đánh giá theo giá gốc, nhưng trong trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của Hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh trừ đi chi phí ước tính để hình thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

–*Nguyên tắc nhất quán*: Các phương pháp kế toán áp dụng trong việc đánh giá vật tư phải đảm bảo tính nhất quán. Tức là kế toán đã chọn phương pháp nào thì phải áp dụng phương pháp đó nhất quán trong suốt niên độ kế toán. Doanh nghiệp có thể thay đổi phương pháp đã chọn nhưng phải đảm bảo phương pháp thay thế cho phép trình bày thông tin kế toán một cách trung thực và hợp lý hơn, giải thích sự ảnh hưởng sự hình thành trị giá vốn thực tế của vật liệu được phân biệt ở các thời điểm khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- Thời điểm mua xác định trị giá vốn thực tế hàng mua
- Thời điểm nhập kho xác định trị giá vốn thực tế hàng nhập
- Thời điểm xuất kho xác định trị giá vốn thực tế hàng xuất
- Thời điểm tiêu thụ xác định trị giá vốn thực tế hàng tiêu thụ

1.1.5.2. Đánh giá nguyên vật liệu

1.1.5.2.1. Đánh giá nguyên vật liệu theo giá thực tế

1.1.5.2.1.1 Giá trị thực tế nguyên vật liệu nhập kho

Trong các doanh nghiệp sản xuất - xây dựng cơ bản, vật liệu được nhập từ nhiều nguồn nhập mà giá thực tế của chúng trong từng lần nhập được xác định cụ thể như sau:

Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có nguyên vật liệu đó. Tùy từng nguồn nhập mà giá thực tế của nguyên vật liệu được đánh giá khác nhau

- Đối với nguyên vật liệu mua ngoài(mua trong nước hoặc mua nước ngoài)

$$\begin{array}{rcccccc} \text{Trị giá vốn} & & \text{Giá} & & \text{Chi phí} & & \text{Các loại thuế} & & \text{Các} \\ \text{thực tế của} & = & \text{mua} & + & \text{mua} & + & \text{không được} & - & \text{khoản} \\ \text{NVL nhập kho} & & \text{thực tế} & & \text{thực tế} & & \text{hoàn lại} & & \text{giảm} \\ & & & & & & \text{(TTĐB, NK...)} & & \text{trừ} \end{array}$$

Trong đó:

➤ Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ: Giá mua thực tế của vật liệu là giá chưa có thuế GTGT.

➤ Đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng nộp thuế GTGT thì giá mua thực tế là giá đã có thuế GTGT.

- Đối với nguyên vật liệu do doanh nghiệp tự sản xuất, gia công, chế biến:

$$\begin{array}{rcc} \text{Giá vốn thực tế của} & = & \text{Giá thực tế của vật liệu xuất} \\ \text{vật liệu nhập kho} & & \text{kho để gia công chế biến} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí gia công} \\ \text{chế biến} \end{array}$$

- Đối với nguyên vật liệu doanh nghiệp thuê ngoài gia công, chế biến:

$$\begin{array}{rcc} \text{Giá vốn thực tế} & & \text{Giá vốn thực} \\ \text{của vật liệu nhập} & = & \text{tế của vật liệu} \\ \text{kho} & & \text{xuất kho thuê} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{thuê gia} \\ \text{công} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển bốc} \\ \text{dỡ khi giao} \\ \text{nhận (nếu có)} \end{array}$$

- Đối với vật liệu được cấp:

$$\begin{array}{rcc} \text{Giá vốn thực tế} & & \text{Giá vốn ghi trong} \\ \text{của vật liệu nhập} & = & \text{biên bản giao nhận} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí phát sinh} \\ \text{trong giao nhận} \end{array}$$

- Đối với vật liệu được biếu tặng, tài trợ:

$$\text{Giá vốn thực tế của vật liệu nhập kho} = \text{Giá trị hợp lý} + \text{Các chi phí khác phát sinh}$$

- Đối với nguyên vật liệu nhập kho từ nguồn phế liệu thu hồi. Giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho được đánh giá theo giá trị thực tế nếu còn sử dụng hoặc đánh giá theo giá ước tính.

1.1.5.2.1.2. Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho

Vật liệu thu mua nhập kho thường xuyên từ nhiều nguồn khác nhau, do đó giá thực tế của từng lần nhập kho không hoàn toàn giống nhau. Vì thế khi xuất kho kế toán phải tính toán xác định được giá vốn thực tế xuất kho cho các nhu cầu, đối tượng sử dụng khác nhau theo phương pháp tính giá vốn thực tế xuất kho đã đăng ký áp dụng và phải đảm bảo tính nhất quán trong niên độ kế toán. Để tính giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho doanh nghiệp sẽ áp dụng một trong bốn phương pháp được quy định trong chuẩn mực “Hàng tồn kho” (chuẩn mực 02) để xác định trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu xuất kho:

a. Phương pháp giá đích danh

Theo phương pháp này, giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính trên cơ sở số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá thực tế nhập kho của chính lô hàng nguyên vật liệu xuất kho đó .

Phương pháp này sẽ nhận diện được từng loại nguyên vật liệu xuất và tồn kho theo từng danh mục hóa đơn mua vào riêng biệt .Do đó trị giá của nguyên vật liệu xuất và tồn kho được xác định chính xác và tuyệt đối , phản ánh đúng thực tế phát sinh. Nhưng như vậy thì việc quản lý tồn kho sẽ rất phức tạp đặc biệt khi doanh nghiệp dự trữ nhiều loại nguyên vật liệu với giá trị nhỏ .Khi đó chi phí cho quản lý tồn kho sẽ tốn kém và đôi khi không thể thực hiện được. Chính vì vậy chỉ nên áp dụng phương pháp tính giá này đối với những loại vật liệu đặc trưng có giá trị cao.

b. Phương pháp nhập trước – xuất trước(FIFO)

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất

trước và lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng. Phương pháp này áp dụng ở những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, số lần nhập xuất kho không nhiều.

$$\text{Trị giá thực tế NVL xuất kho} = \text{Số lượng NVL xuất kho} \times \text{Đơn giá thực tế của NVL nhập trước}$$

Ưu điểm: Thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm, cho phép kế toán có thể tính giá nguyên vật liệu xuất kho kịp thời.

Nhược điểm: Phương pháp này làm cho doanh thu hiện tại không phù hợp với những chi phí hiện tại.

c. Phương pháp nhập sau – xuất trước

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập sau sẽ được xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập đầu kỳ.

$$\text{Trị giá thực tế NVL xuất kho} = \text{Số lượng NVL xuất kho} \times \text{Đơn giá thực tế của NVL nhập sau cùng}$$

Ưu điểm: Thích hợp trong trường hợp đánh giá thực tế vật tư nhập kho trong từng lần nhập tăng dần, đảm bảo thu hồi vốn nhanh và tồn kho ít. Giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ chính là giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho của các lần mua đầu kỳ. Ngược lại với phương pháp nhập trước – xuất trước, với phương pháp này mọi sự biến động về giá được chuyển ngay vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Do đó phản ánh đúng điều kiện kinh doanh tại thị trường hiện tại nhưng chi phí hiện hành của nguyên vật liệu tồn kho lại xa rời thực tế. Vì vậy phương pháp này thích hợp với những nguyên vật liệu có đặc

điểm là phải sử dụng ngay như các loại thực phẩm tươi sống trong công nghiệp chế biến.

Nhược điểm: Chất lượng của công tác tính giá phụ thuộc vào sự ổn định của giá cả vật tư. Trong trường hợp giá cả vật tư biến động mạnh thì việc xuất theo phương pháp này sẽ mất tính chính xác và gây bất hợp lý.

d. Phương pháp giá thực tế bình quân

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập trong kỳ}}{\text{Lượng NVL tồn đầu kỳ} + \text{Lượng NVL nhập trong kỳ}}$$

Đây là phương pháp mà giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính trên cơ sở đơn giá thực tế bình quân của nguyên vật liệu :

$$\text{Giá thực tế NVL xuất kho} = \text{Số lượng NVL xuất kho} \times \text{Đơn giá thực tế bình quân của NVL}$$

Áp dụng cho từng loại vật liệu

➤ Đơn giá bình quân có thể xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ hay đơn giá bình quân cố định. Theo cách tính này, khối lượng tính toán giảm nhưng chỉ tính được trị giá vốn thực tế của vật liệu vào thời điểm cuối kỳ nên không thể cung cấp thông tin kịp thời.

Cách tính này được xác định sau khi kết thúc kỳ hạch toán, dựa trên số liệu đánh giá nguyên vật liệu cả kỳ dự trữ. Các lần xuất nguyên vật liệu khi phát sinh chỉ phản ánh về mặt số lượng mà không phản ánh mặt giá trị. Toàn bộ giá trị xuất được phản ánh vào cuối kỳ khi có đầy đủ số liệu tổng nhập. Điều đó làm cho công việc bị dồn lại, ảnh hưởng đến tiến độ quyết toán song cách tính này đơn giản, ít tốn công được nhiều doanh nghiệp sử dụng đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ, có ít vật liệu, thời gian sử dụng ngắn.

➤ Đơn giá bình quân có thể xác định sau mỗi lần nhập hoặc tính vào thời điểm trước mỗi lần nhập được gọi là đơn giá bình quân liên hoàn hay là đơn giá bình quân di động. Sau mỗi lần nhập, kế toán xác định đơn giá bình quân cho từng đầu tên nguyên vật liệu như sau:

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Lượng tồn trước khi nhập} \times \text{Đơn giá bình quân trước khi nhập} + \text{Giá thực tế NVL nhập kho}}{\text{Lượng tồn trước khi nhập} + \text{Lượng NVL nhập kho}}$$

Ngay khi nghiệp vụ xuất phát sinh, đơn giá bình quân lần nhập cuối cùng trước khi xuất được dùng làm đơn giá để tính ra trị giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho. Cách tính này khắc phục được nhược điểm của hai cách tính trên, vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán vừa phản ánh được sự biến động về giá nhưng khối lượng tính toán lớn vì sau mỗi lần nhập kế toán phải tính giá một lần.

Nhìn chung, dù là đơn giá bình quân theo cách nào thì phương pháp giá thực tế bình quân cũng mắc phải một hạn chế lớn là giá cả đều có xu hướng bình quân hoá. Do vậy, chi phí hiện hành và chi phí thay thế của nguyên vật liệu tồn kho có xu hướng san bằng cho nhau không phản ánh được thực tế ở thời điểm lập báo cáo.

1.1.5.2.2. Đánh giá vật liệu theo giá hạch toán.

$$\text{Hệ số chênh lệch giữa giá thực tế và giá hạch toán của NVL} = \frac{\text{Giá thực tế của NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá thực tế của NVL nhập kho trong kỳ}}{\text{Giá hạch toán của NVL tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá hạch toán của NVL nhập kho trong kỳ}}$$

Đối với những doanh nghiệp có nhiều loại vật liệu giá cả biến động thường xuyên, việc nhập, xuất diễn ra liên tục thì việc hạch toán theo giá thực tế trở nên phức tạp, tốn nhiều công sức và có khi không thực hiện được. Do vậy việc hạch toán hàng ngày, kế toán nên sử dụng theo giá hạch toán.

Giá hạch toán là một loại giá tương đối ổn định, doanh nghiệp có thể sử dụng trong một thời gian dài để hạch toán nhập, xuất tồn kho vật liệu trong khi chưa tính được giá thực tế của nó. Có thể sử dụng giá kế hoạch hoặc giá mua tại một thời điểm nào đó, hay giá vật liệu bình quân tháng trước, hàng ngày hoặc giá cuối kỳ trước để làm giá hạch toán. Nhưng cuối tháng phải tính chuyển giá hạch toán của vật liệu xuất, tồn kho theo giá thực tế. Việc tính chuyển dựa trên cơ sở hệ số giữa giá thực tế và giá hạch toán.

Giá hạch toán chỉ được dùng trong hạch toán chi tiết vật liệu, còn trong hạch toán tổng hợp vẫn phải sử dụng giá thực tế. Giá hạch toán có ưu điểm là phản ánh kịp thời sự biến động về giá trị của các loại vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Phương pháp sử dụng giá hạch toán để phản ánh vật liệu chỉ dùng trong phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp này được áp dụng trong doanh nghiệp có nhiều chủng loại, giá cả luôn biến động, việc xuất – nhập diễn ra thường xuyên.

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế của NVL} \\ \text{xuất dùng trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá hạch toán} \\ \text{của NVL xuất} \\ \text{dùng trong kỳ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số chênh lệch giữa} \\ \text{giá thực tế và giá hạch} \\ \text{toán của NVL} \end{array}$$

Trong quá trình sản xuất tùy thuộc vào đặc điểm của nguyên vật liệu, yêu cầu và trình độ quản trị của doanh nghiệp mà hệ số chênh lệch của nguyên vật liệu có thể tính riêng cho từng thứ, từng nhóm hoặc từng loại nguyên vật liệu.

Mỗi một phương pháp tính giá nguyên vật liệu có nội dung, ưu nhược

điểm và điều kiện áp dụng phù hợp nhất định. Doanh nghiệp phải căn cứ vào hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý và trình độ cán bộ kế toán để lựa chọn và đăng ký một phương pháp tính phù hợp. Phương pháp tính giá đã đăng ký phải được sử dụng nhất quán trong niên độ kế toán. Khi muốn thay đổi phải giải trình và đăng ký lại đồng thời phải được thể hiện công khai trên báo cáo tài chính. Nhờ vậy có thể kiểm tra, đánh giá chính xác kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2. Nội dung công tác tổ chức kế toán Nguyên vật liệu

1.2.1. Kế toán chi tiết NVL trong các doanh nghiệp

Kế toán chi tiết NVL là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán trên cùng cơ sở các chứng từ nhập, xuất kho nhằm bảo đảm theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động của từng loại, từng nhóm vật tư về số lượng và giá trị. Các doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống chứng từ, mở các sổ kế toán chi tiết và vận dụng phương pháp hạch toán chi tiết vật liệu phù hợp để tăng cường quản lý nguyên vật liệu.

1.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập, xuất vật liệu đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định.

Theo chế độ chứng từ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của bộ trưởng Bộ tài chính, các chứng từ về kế toán nguyên vật liệu bao gồm:

- 1- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- 2- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- 3- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 03-VT)
- 4- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (Mẫu 04-VT)
- 5- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (Mẫu 05-VT)

- 6- Bảng kê mua hàng (Mẫu 06-VT)
- 7- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (Mẫu 07-VT)
- 8- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01GTGT-3LL)
- 9- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02GTGT-3LL)
- 10- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03P XK-3LL)

Bên cạnh đó, tùy thuộc vào đặc điểm, tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực hoạt động, thành phần kinh tế khác nhau mà kế toán sử dụng các chứng từ khác nhau.

Đối với các chứng từ kế toán thống nhất, bắt buộc phải được lập kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định về mẫu biểu, nội dung phương pháp lập và phải được tổ chức luân chuyển theo trình tự thời gian do kế toán trưởng quy định, phục vụ cho việc ghi chép kế toán tổng hợp và các bộ phận liên quan. Đồng thời người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ về nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

1.2.1.2. Sổ kế toán chi tiết vật liệu.

Để hạch toán chi tiết vật liệu, tùy thuộc vào phương pháp kế toán áp dụng trong Doanh nghiệp mà sử dụng các sổ thẻ chi tiết sau:

- Sổ (thẻ) kho.
- Sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu
- Sổ đối chiếu luân chuyển.
- Sổ số dư.

Sổ (thẻ) kho được sử dụng để theo dõi số lượng nhập xuất tồn kho của từng loại vật liệu theo từng kho. Thẻ kho do phòng kế toán lập và ghi các chi tiêu đó là: tên, nhãn hiệu quy cách, đơn vị tính, mã số vật liệu, sau đó giao cho thủ kho để hạch toán nghiệp vụ ở kho, không phân biệt hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp nào.

Ở phòng kế toán tùy theo từng phương pháp kế toán chi tiết vật liệu mà sử dụng sổ (thẻ) kế toán chi tiết, sổ đối chiếu luân chuyển, sổ số dư để hạch toán

nhập xuất tồn kho về mặt số lượng và giá trị.

Ngoài các sổ kế toán chi tiết nêu trên các Doanh nghiệp còn có thể mở thêm các bảng kê nhập, bảng kê xuất, bảng kê lũy kế tổng hợp nhập xuất tồn kho vật tư phục vụ cho hạch toán của đơn vị mình.

1.2.1.3. Các phương pháp kế toán chi tiết NVL

Việc ghi chép phản ánh của thủ kho và kế toán cũng như kiểm tra đối chiếu số liệu giữa hạch toán nghiệp vụ kho và ở phòng kế toán được tiến hành theo một trong các phương pháp sau:

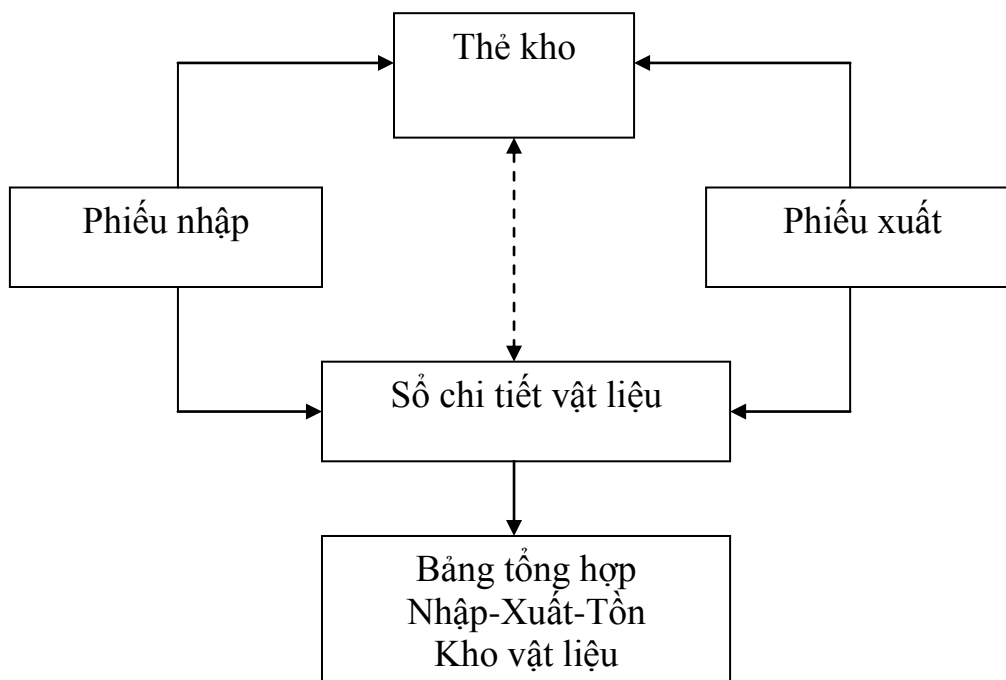
a. Phương pháp ghi thẻ song song

**Nguyên tắc:* Ở kho ghi chép về mặt số lượng, ở phòng kế toán ghi chép cả về số lượng lẫn giá trị từng thứ nguyên vật liệu.

Trình tự ghi chép:

Ở kho: Hàng ngày, thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập xuất NVL ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho có liên quan. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho với số tồn vật liệu thực tế còn ở kho. Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập xuất kho về phòng kế toán.

Ở phòng kế toán: Mở thẻ hoặc sổ kế toán chi tiết cho từng NVL tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho của thủ kho gửi đến kế toán NVL phải kiểm tra từng chứng từ ghi đơn giá và tính thành tiền sau đó ghi vào sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu có liên quan. Cuối tháng, kế toán cộng thẻ hoặc sổ tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và tổng số tồn của từng thứ vật liệu rồi đối chiếu với thẻ kho, lập báo cáo tổng hợp nhập xuất tồn kho về giá trị để đối chiếu với bộ phận kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.



Sơ đồ 01: Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp thẻ song song

Trong đó:

- Ghi hàng ngày
- ==→ Ghi cuối ngày
- ←---→ Đối chiếu kiểm tra

** Ưu nhược điểm và phạm vi áp dụng:*

- Ưu điểm: Ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu.
 - Nhược điểm: Việc ghi chép giữa kho và phòng kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Ngoài ra việc kiểm tra đối chiếu chủ yếu tiến hành vào cuối tháng do vậy hạn chế khả năng kiểm tra kịp thời của kế toán.

- Phạm vi áp dụng: áp dụng thích hợp trong các Doanh nghiệp có ít chủng loại vật tư, khối lượng nghiệp vụ nhập xuất ít, không thường xuyên và trình độ chuyên môn của cán bộ còn hạn chế.

b. Phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.

** Nguyên tắc*

- Ở kho: việc ghi chép ở kho của thủ kho cũng được thực hiện trên thẻ kho và chỉ ghi chép về tình hình biến động của vật liệu về mặt số lượng.

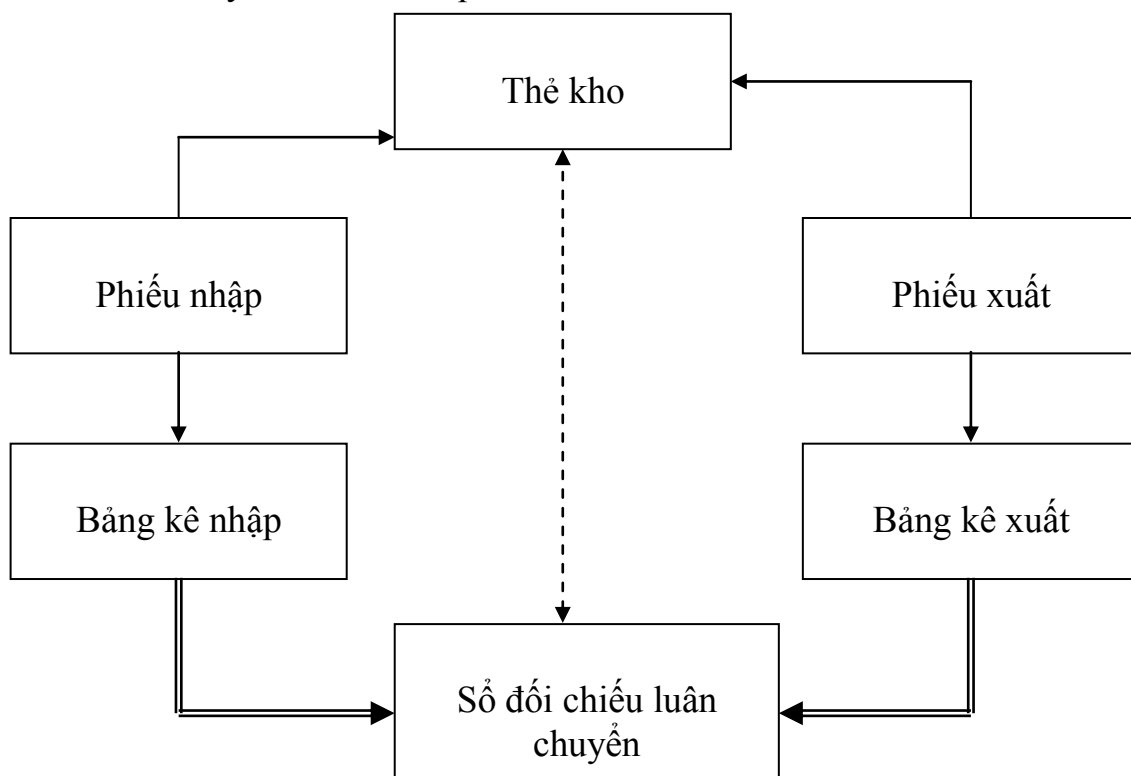
- Ở phòng kế toán: sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để ghi tổng hợp về số lượng và giá trị của từng loại vật liệu nhập xuất tồn kho trong tháng.

* *Trình tự ghi chép:*

- Ở kho: Theo phương pháp đối chiếu luân chuyển thì việc ghi chép của thủ kho cũng được tiến hành trên thẻ kho như phương pháp thẻ song song.

- Ở phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển để ghi chép tình hình nhập xuất tồn kho của từng loại vật tư ở từng kho. Sổ được mở cho cả năm nhưng mỗi tháng chỉ ghi một lần vào cuối tháng. Để có số liệu ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển, kế toán phải lập bảng kê nhập, bảng kê xuất trên cơ sở các chứng từ nhập xuất thủ kho gửi lên. Sổ đối chiếu luân chuyển cũng được theo dõi cả về chỉ tiêu khối lượng và chỉ tiêu giá trị. Cuối tháng, tiến hành kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho và với số liệu của sổ kế toán tổng hợp.

Nội dung và trình tự hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển được khái quát theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 02: Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển

Trong đó:

- Ghi hàng ngày.
- ==→ Ghi cuối ngày.
- ←---→ Đối chiếu kiểm tra.

** Ưu nhược điểm và phạm vi áp dụng:*

- Ưu điểm: khối lượng phạm vi ghi chép của kế toán được giảm bớt do chỉ ghi một lần vào cuối tháng.

- Nhược điểm: việc ghi sổ vẫn trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu hiện vật và phòng kế toán cũng chỉ tiến hành kiểm tra đối chiếu vào cuối tháng do đó hạn chế tác dụng của kiểm tra.

- Phạm vi áp dụng: áp dụng thích hợp trong các Doanh nghiệp có không nhiều nghiệp vụ nhập xuất, không bố trí riêng nhân viên kế toán vật liệu do đó không có điều kiện ghi chép theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày.

c. Phương pháp sổ số dư.

** Nguyên tắc:*

- Ở kho: Thủ kho chỉ theo dõi tình hình nhập xuất vật liệu theo chỉ tiêu hiện vật.

- Ở phòng kế toán: Theo dõi tình hình nhập xuất vật liệu theo từng nhóm, từng loại vật liệu theo chỉ tiêu giá trị.

** Trình tự ghi chép:*

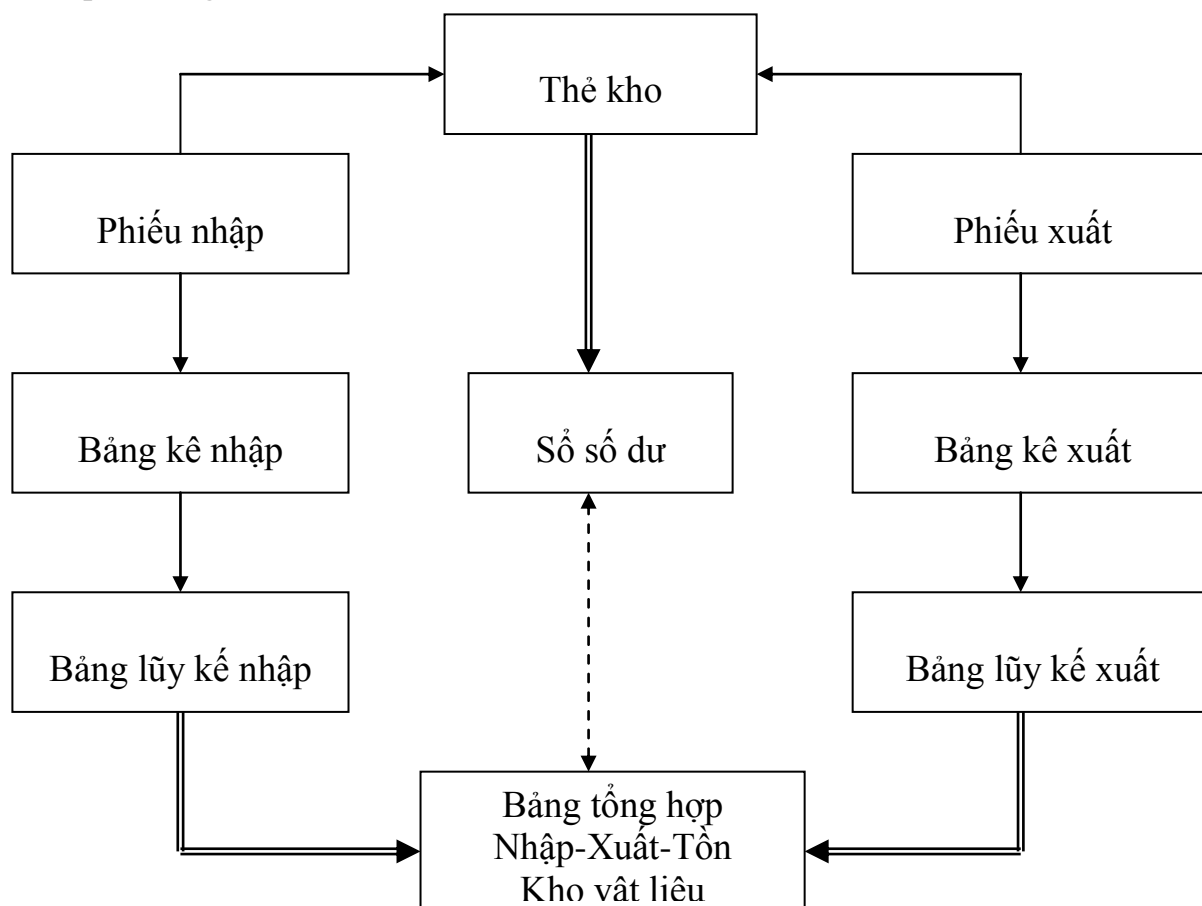
- Ở kho: Thủ kho cũng ghi thẻ kho giống như các trường hợp trên. Nhưng cuối tháng phải tính ra số tồn kho rồi ghi vào cột số lượng của sổ số dư.

- Ở phòng kế toán: Kế toán mở sổ số dư theo từng kho. Sổ dùng cho cả năm để ghi chép tình hình nhập xuất. Từ các bảng kê nhập, bảng kê xuất kế toán lập bảng lũy kế nhập, lũy kế xuất, rồi từ các bảng lũy kế lập bảng tổng hợp nhập xuất tồn theo từng nhóm từng loại vật tư theo chỉ tiêu giá trị.

Cuối tháng, khi nhận sổ số dư do thủ kho gửi lên kế toán căn cứ vào số tồn cuối tháng, áp giá hạch toán tính ra giá trị tồn kho để ghi vào cột số tiền trên

sổ số dư. Việc kiểm tra đối chiếu được căn cứ vào cột số tiền tồn kho trên sổ số dư và bảng kê tổng hợp nhập xuất tồn (cột số tiền) và đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp.

Nội dung, trình tự kế toán chi tiết vật tư theo phương pháp sổ số dư được khái quát bằng sơ đồ



Sơ đồ 03: Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư

Trong đó:

- Ghi hàng ngày.
- ==→ Ghi cuối ngày.
- ←---→ Đối chiếu kiểm tra.

* Ưu nhược điểm và phạm vi áp dụng:

- Ưu điểm: Tránh được sự ghi chép trùng lặp giữa kho và phòng kế toán, giảm bớt khối lượng ghi chép kế toán, công việc được tiến hành đều trong tháng.

- Nhược điểm: Do kế toán chỉ ghi theo mặt giá trị nên muốn biết được số hiện có và tình hình tăng giảm về mặt hiện vật thì nhiều khi phải xem sổ của thủ kho mất nhiều thời gian. Hơn nữa việc kiểm tra phát hiện sai sót nhầm lẫn giữa kho và phòng kế toán gặp khó khăn.

- Phạm vi áp dụng: Áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp sản xuất có khối lượng các nghiệp vụ ghi chép nhập xuất nhiều, thường xuyên, có nhiều chủng loại vật tư và áp dụng với doanh nghiệp đã xây dựng được hệ thống danh điểm vật tư; trình độ chuyên môn của kế toán đã vững vàng.

1.2.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Vật liệu là tài sản ngắn hạn thuộc nhóm hàng tồn kho của Doanh nghiệp, nó được nhập xuất kho thường xuyên liên tục. Tuy nhiên tùy theo đặc điểm vật liệu của từng doanh nghiệp mà các doanh nghiệp có các phương pháp kiểm kê khác nhau. Có doanh nghiệp kiểm kê theo từng nghiệp vụ nhập xuất, nhưng cũng có doanh nghiệp chỉ kiểm kê một lần vào thời điểm cuối kỳ. Tương ứng với hai phương pháp kiểm kê trên, trong kế toán tổng hợp về vật liệu nói riêng, hàng tồn kho nói chung có hai phương pháp là:

- Phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.2.2.1. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kế toán thường xuyên là phương pháp ghi chép, phản ánh thường xuyên liên tục tình hình nhập xuất tồn kho các loại vật liệu trên các tài khoản và sổ kế toán tổng hợp kho có các chứng từ nhập xuất vật liệu. Phương pháp này được áp dụng trong phần lớn các doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp thương mại kinh doanh những mặt hàng có giá trị lớn như: ô tô, máy móc...

a. Tài khoản sử dụng

TK 152 – “Nguyên vật liệu”: Tài khoản này phản ánh giá trị hiện có và

tình hình tăng giảm nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Kết cấu:

Bên nợ:

- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho do mua ngoài tự chế, thuê ngoài gia công, nhận góp vốn liên doanh.

- Giá trị nguyên liệu, vật liệu phát hiện thừa trong kiểm kê.

- Giá trị phế liệu thu hồi.

- Kết chuyển giá trị nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ(theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Bên có:

- Trị giá thực tế của nguyên vật liệu xuất kho để sản xuất, để bán, thuê ngoài gia công chế biến hoặc góp vốn liên doanh.

- Chiết khấu mua hàng được hưởng.

- Giá trị nguyên liệu, vật liệu trả lại giảm giá.

- Giá trị nguyên liệu, vật liệu thiếu hụt khi kiểm kê.

- Kết chuyển giá trị nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ(theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Dư nợ:

- Giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho

Chi tiết KT 152:

- 1521: Nguyên vật liệu chính.

- 1522: Nguyên vật liệu phụ.

- 1523: Nhiên liệu

- 1524: Phụ tùng thay thế

- 1255: Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản

- 1528: Vật liệu khác.

TK 151 – “Hàng mua đang đi trên đường”: Tài khoản này phản ánh giá trị các loại vật tư hàng hoá mà doanh nghiệp đã mua đã chấp nhận thanh toán với

người bán nhưng chưa về nhập kho doanh nghiệp còn đang đi trên đường và tình hình đang đi đường về nhập kho của doanh nghiệp.

Kết cấu:

Bên nợ:

- Giá trị hàng đi đường
- Kết chuyển giá thực tế hàng đi đường cuối kỳ theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Bên có:

- Giá trị hàng đang đi đường đã về nhập kho hoặc chuyển giao cho đối tượng sử dụng hay khách hàng .
- Kết chuyển giá trị tên hàng đang đi đường đầu kỳ (theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

Dư nợ:

- Giá trị hàng đi đường chưa về nhập kho.

TK 331 – “Phải trả người bán”: TK này dùng để phản ánh quan hệ thanh toán giữa doanh nghiệp với người bán và nhận thầu về các loại vật tư, hàng hoá, lao vụ, theo kợp đồng kinh tế đã ký kết.

TK 133 – “Thuế VAT được khấu trừ”: TK này cho các doanh nghiệp thuế VAT theo phương pháp khấu trừ thuế.

TK 159 – “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”: Tài khoản này được dùng để phản ánh bộ phận giá trị dự tính giảm sút so với giá gốc của hàng tồn kho nhằm ghi nhận các khoản lỗ hay phí tổn có thể phát sinh nhưng chưa chắc chắn và phản ánh giá trị thực tế thuần túy của hàng tồn kho trên các báo cáo tài chính. Tài khoản này là tài khoản điều chỉnh cho các tài khoản tồn kho trong đó có tài khoản 152.

Ngoài các tài khoản trên kế toán còn có các tài khoản liên quan:

- TK 111 – Tiền mặt.
- TK112 – Tiền gửi ngân hàng.

- TK 621 – Chi phí NVL trực tiếp
- TK 627 – Chi phí sản xuất chung
- TK 641 – Chi phí bán hàng
- TK 623 – Chi phí sử dụng máy thi công.
- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- TK 141: Tạm ứng
- TK 128: Đầu tư ngắn hạn khác
- TK 222: Góp vốn liên doanh.

Các chứng từ được sử dụng trong hạch toán vật liệu ở doanh nghiệp thường bao gồm:

- Hoá đơn bán hàng (nếu tính theo phương pháp trực tiếp).
- Hoá đơn GTGT (nếu tính theo phương pháp khấu trừ)
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, phiếu xuất vật tư theo hạn mức, phiếu xuất kho ... tùy theo từng nội dung chủ yếu của từng doanh nghiệp.

b. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ chủ yếu

❖ *Hạch toán tăng NVL đối với các Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.*

Đối với các Doanh nghiệp kinh doanh đã có đủ điều kiện tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ (thực hiện việc mua bán có hoá đơn, chứng từ, ghi chép hoá đơn đầy đủ) thuế GTGT đầu vào được tách riêng, không ghi vào giá thực tế của vật liệu. Như vậy khi mua hàng trong tổng giá thanh toán phải trả cho người bán, phần giá mua thực tế được ghi tăng vật liệu, còn phần thuế GTGT đầu vào được ghi vào số khấu trừ cụ thể.

Nguyên vật liệu phát triển do mua ngoài

➤ Trường hợp mua ngoài, hàng hoá và hoá đơn cùng về:

- Căn cứ vào hoá đơn mua hàng, biên bản kiểm nhận và phiếu nhập kho,

kế toán ghi:

Nợ TK 152 : Giá thực tế vật liệu(Chi tiết từng loại vật liệu)

Nợ TK 133 : VAT đầu vào

Có TK 331, 111, 112 ... : Tổng giá thanh toán.

- Trường hợp Doanh nghiệp được hưởng chiết khấu thương mại, giảm giá hàng mua, kế toán ghi:

Nợ TK 331 : Trừ vào số tiền phải trả.

Nợ TK 111, 112 : Nếu nhận lại bằng tiền.

Nợ TK 1388 : Số được người bán chấp nhận nhưng người bán chưa trả

Có TK 152(chi tiết vật liệu): số giảm giá chưa có VAT

Có TK 133 : VAT đầu vào không được khấu trừ tương ứng với số giảm giá

- Trường hợp trả lại hàng cho chủ hàng

Nợ TK 331, 111,112,1388

Có TK 152(chi tiết vật liệu): số vật liệu trả lại chưa có VAT

Có TK 133(1331): VAT đầu vào tương ứng với số trả lại

- Nếu được hưởng chiết khấu thanh toán:

Nợ TK 111, 112, 331,1388:

Có TK 515: Số chiết khấu thanh toán được hưởng tính tổng trên giá thanh toán cả thuế

➤ Vật liệu mua ngoài do hàng thừa so với hoá đơn:

* Nếu nhập kho toàn bộ số hàng:

Nợ TK 152: Số hàng kiểm nhận thực tế chưa có VAT

Nợ TK133 : VAT đầu vào theo hóa đơn

Có TK331,111,112: Tổng giá theo hóa đơn

Có TK 3381: Số hàng thừa chưa có VAT

▪ Nếu trả lại số thừa :

Nợ TK 3381: Trị giá hàng thừa chưa có VAT

Có TK 152: (Trị giá hàng thừa)

- Nếu mua luôn số thừa:
 - Nợ TK 3381: Trị giá hàng thừa chưa có VAT
 - Nợ TK133: VAT đầu vào của số hàng thừa
 - Có TK 331: Tổng giá thực tế phải trả thêm
- Nếu thừa không rõ nguyên nhân, ghi phát triển thu nhập:
 - Nợ TK 3381
 - Có TK 711: Trị giá hàng thừa chưa có VAT
- Nếu nhập kho theo số ghi trên hoá đơn:
 - + Khi nhập kho ghi nhận số nhập như trường hợp (1) đồng thời ghi đơn:
Nợ TK 002.
 - + Trả lại số thừa: Có TK 002
 - + Nếu mua tiếp số thừa: Nợ TK 152
 - Nợ TK133
 - Có TK 331,111,112...
- * Thừa không rõ nguyên nhân:
 - Nợ TK 152
 - Có TK 711
 - Đồng thời ghi Có TK 002
- Hàng thiếu so với hoá đơn
 - Khi nhập kho, ghi thêm số thực nhập:
 - Nợ TK 152: Giá thực tế VL thực nhập kho(chưa có VAT)
 - Nợ TK1381: số thiếu chưa có VAT chờ xử lý
 - Nợ TK 133: VAT đầu vào theo hóa đơn
 - Có TK 331,111,112: Tổng giá thanh toán theo hoá đơn
 - Khi xử lý số thiếu:
 - +) Đòi người bán giao tiếp số hàng thiếu:
 - Nợ TK 152: số vật liệu thiếu được người bán bổ sung
 - Nợ TK 133: VAT của số hàng thiếu

Có TK 1381: Xử lý số thiếu theo giá có VAT

+) Nếu người bán không còn hàng để giao tiếp:

Nợ TK 331: Giảm nợ phải trả

Có TK1381: Xử lý số thiếu theo giá có VAT

+) Nếu cá nhân làm mất phải bồi thường:

Nợ TK111,112,1388, 334: số thu hồi, bồi thường

Nợ TK 632: tính vào GVHB

Có TK 1381: Xử lý số thiếu theo giá có VAT

+) Nếu không xác định được nguyên nhân, ghi tăng chi phí khác:

Nợ TK 811

Có TK 1381: xử lý số thiếu theo giá có VAT

➤ Mua ngoài, trường hợp hàng về, hóa đơn chưa về:

Kế toán lưu Phiếu nhập kho vào tệp hồ sơ “ Hàng chưa có hóa đơn”. Nếu trong tháng, hóa đơn về thì ghi sổ bình thường. Nếu cuối tháng hóa đơn vẫn chưa về, kế toán ghi sổ theo giá tạm tính không bao gồm VAT

Nợ TK 152

Có TK 331: Giá tạm tính

Sang tháng sau, khi hóa đơn về, kế toán tiến hành điều chỉnh từ giá tạm tính sang giá thực tế theo 1 trong ba cách sau:

+) Cách 1: dùng bút toán đỏ xóa giá tạm tính

Nợ Tk 152

Có TK 331(ghi âm)

Dùng bút toán thường ghi giá thực tế theo hóa đơn

Nợ TK 152

Nợ TK 133

Có TK 331,112,111...

+) Cách 2: trường hợp giá hóa đơn > giá tạm tính, kế toán ghi bổ sung số vật liệu + - thiếu

Nợ TK 152: Số vật liệu +- thiếu

Nợ TK133: VAT đầu vào theo hóa đơn

Có TK 331

+) Cách 3: Trường hợp giá hóa đơn < giá tạm tính, kế toán ghi âm số vật liệu+- thừa.

Nợ TK 152: ghi âm số vật liệu +- thừa

Nợ TK 133

Có TK 331

➤ Vật liệu tăng do tự chế nhập kho, gia công chế biến nhập lại:

Nợ TK 152: giá thành sản xuất thực tế

Có TK154

➤ Vật liệu phát triển do các nguyên nhân khác:

Nợ TK 152: Giá thực tế chi tiết loại vật liệu

Có 411: Nhận cấp phát, vốn góp.

Có 711: Nhận tặng

Có 336, 338(8): Do vay mượn tạm thời

Có 632, 122, 222.

❖ *Tình hình biến động giảm nguyên vật liệu đối với các Doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.*

Nguyên vật liệu trong doanh nghiệp giảm chủ yếu do xuất, sử dụng cho sản xuất kinh doanh, phần còn lại có thể xuất bán, xuất vốn góp liên doanh... Mọi trường hợp giảm nguyên vật liệu đều ghi theo giá thực tế ở bên có TK 152

✓ Xuất nguyên vật liệu cho sản xuất kinh doanh

Nợ TK 621, 627, 641, 642

Nợ TK 241

Có TK 152

Căn cứ vào giá gốc NVL xuất góp vốn và giá trị vốn góp được liên doanh chấp nhận phần chênh lệch giữa giá thực tế và giá trị vốn góp sẽ được phản ánh

vào bên nợ của TK 421 (nếu giá vốn > giá trị vốn góp), vào bên có TK 421 (Giá vốn < Giá trị vốn góp)

- ✓ Xuất vốn góp liên doanh

Nợ TK 222, 128, 421

Có TK 152

- ✓ Xuất thuê ngoài gia công chế biến.

Nợ TK 154

Có TK 152

- ✓ Giảm cho vay tạm thời.

Nợ TK 1388, 1368

Có TK 152 (chi tiết)

- ✓ Giảm do các nguyên nhân khác

Nợ TK 632, 642

Nợ TK 1381, 1388, 334

Có TK 152

- ❖ *Đặc điểm hạch toán NVL tính thuế VAT theo phương pháp trực tiếp.*

+ Đối với các đơn vị tính thuế VAT theo phương pháp trực tiếp, do phần thuế VAT được tính vào giá thực tế NVL nên khi mua ngoài kế toán ghi vào TK 152 theo tổng giá thanh toán.

Nợ TK 152

Có TK 111, 112, 331...

- Số giảm giá hàng mua được hưởng hay giá trị hàng mua trả lại.

Nợ TK 111, 112, 1388, 331

Có TK 152

- Số chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng được ghi tăng thu nhập hoạt động tài chính:

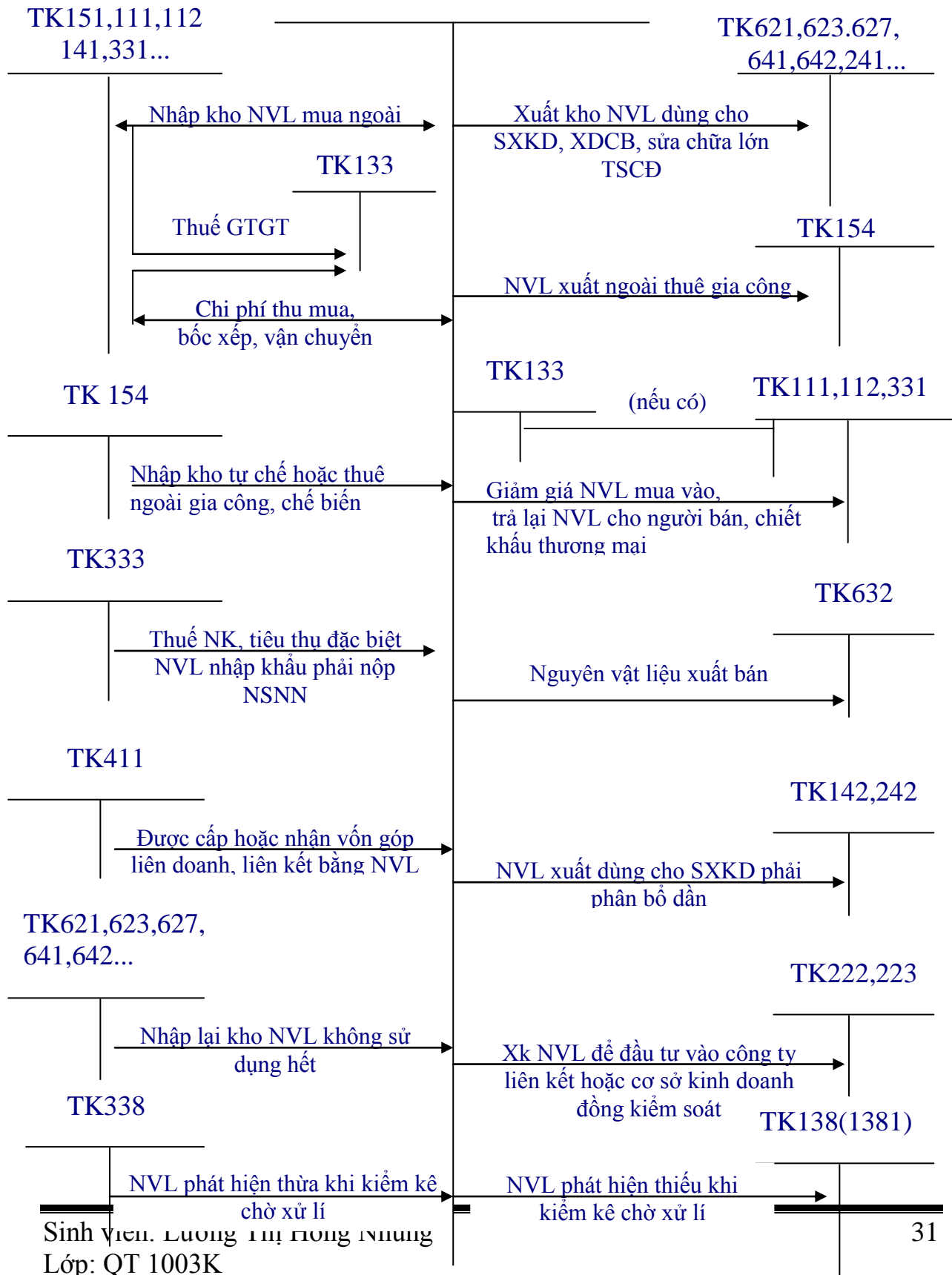
Nợ TK 331, 111, 112, 1388

Có Tk 515

- Các trường hợp còn lại hạch toán tương tự

Sơ đồ 04: Kế toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kiểm kê thường xuyên

TK 152



1.2.2.2. Kế toán vật liệu theo phương pháp định kỳ:

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình nhập xuất hàng tồn kho trên các tài khoản mà chỉ theo dõi phản ánh giá trị hàng tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ căn cứ vào số liệu kiểm kê định kỳ.

a. Tài khoản kế toán sử dụng

Các doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ, trong kế toán tổng hợp sử dụng các tài khoản sau:

TK 152, TK 151: Theo phương pháp kiểm kê định kỳ thì các tài khoản này không thể theo dõi tình hình nhập xuất toàn vật liệu trong kỳ mà chỉ dùng để kết chuyển giá trị thực tế vật liệu và hàng mua đang đi đường đầu kỳ, cuối kỳ vào tài khoản 611 – “Mua hàng”

TK 611 – “Mua hàng”: Tài khoản này dùng để đánh giá thực tế của số vật tư hàng hoá mua vào và xuất dùng trong kỳ.

Kết cấu:

Bên nợ:

- Kết chuyển giá vật tư hàng hoá tồn kho đầu kỳ.
- Giá thực tế vật tư hàng hoá mua vào trong kỳ.

Bên có

- Giá thực tế vật tư hàng hoá kiểm kê lúc cuối kỳ.
- Giá thực tế vật tư hàng hoá xuất trong kỳ.
- Giá thực tế hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa xác định là tiêu thụ trong kỳ.

- Hàng mua giảm giá, trả lại tài khoản 611 không có số dư và được mở hai TK cấp 2

+ TK 6111 : Mua nguyên vật liệu

+ TK 6112 : Mua hàng hoá

Ngoài ra, kế toán cũng sử dụng các tài khoản liên quan khác như phương

pháp kê khai thường xuyên.

b. Phương pháp kế toán các nghiệp vụ chủ yếu

Căn cứ giá thực tế vật liệu, căn cứ vào hoá đơn và các chứng từ liên quan khác kế toán ghi sổ:

- Giá thực tế vật liệu nhập kho:
Nợ TK 6111: Mua hàng
Có TK 111,112,141 (Trả tiền ngay)
Có TK 331 (Chưa trả tiền)
Có TK 341 (Mua bằng tiền vay)
- Giá trị mua hàng trả lại do không đúng qui cách trong hợp đồng hoặc không đúng quy cách phẩm chất.
Nợ TK 111,112 (Thu ngay bằng tiền)
Nợ TK 138 (Chưa thu ngay được)
Có TK 611 (Số giảm giá)
- Cuối kỳ căn cứ kết quả kiểm kê vật liệu kế toán xác định giá trị thực tế vật liệu xuất dùng trong kỳ.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá trị thực} & & \text{Giá trị thực tế} & & \text{Giá trị thực tế} & & \text{Giá trị thực tế} \\ \text{tế NVL xuất} & = & \text{NVL tồn đầu} & + & \text{NVL nhập} & - & \text{NVL tồn cuối kỳ} \\ \text{dùng} & & \text{kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \end{array}$$

Các nghiệp vụ lúc cuối kỳ được ghi sổ như sau:

+ Kết chuyển giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ.

Nợ TK 152: nguyên vật liệu

Có TK 611: Mua hàng.

+ Giá thực tế vật liệu xuất dùng cho SXKD, xuất bán.

Nợ TK 621: Xuất cho sản xuất kinh doanh.

Nợ TK 632: Xuất bán.

Có TK 611.

+ Trường hợp giá vật liệu thiếu hụt, mất mát, phát hiện được nguyên

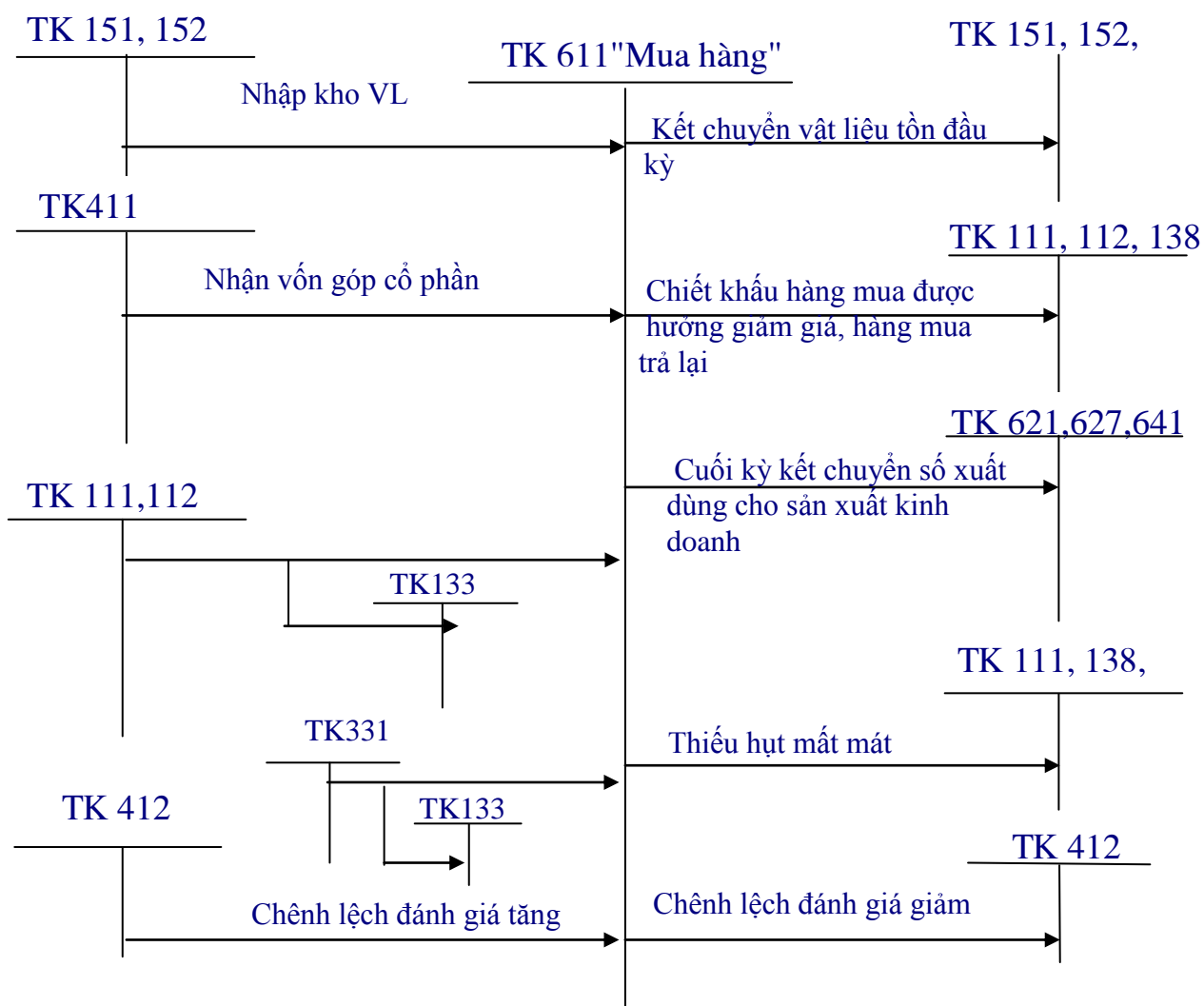
nhân, quyết định xử lý ghi:

Nợ TK 138: Số bồi thường phải thu.

Nợ TK 111: Số bồi thường vật chất đã thu.

Nợ TK 334: Trừ vào tiền công.

Có TK 611: Chi tiết từng loại



Sơ đồ 06: Kế toán tổng hợp vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ
(Thuế GTGT khấu trừ)

PHẦN 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ VINH LẬP

2.1. TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ VINH LẬP

2.1.1. Giới thiệu chung về công ty TNHH Thương mại và Vật tư Vinh Lập

- Tên công ty: Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại và vật tư Vinh lập.
- Địa chỉ : Kênh Giang – Thủy Nguyên – Hải Phòng
- Tài khoản: 32110000480106 – Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam
- Mã số thuế: 0200915910

Ngành, nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình dân dụng,
- Vật liệu xây dựng
- Xây lắp điện
- Hệ thống cây xanh,
- Vệ sinh công nghiệp

2.1.2 . Đặc điểm chung của ngành xây dựng cơ bản

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất có vị trí hết sức quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Xây dựng cơ bản là quá trình xây dựng mới, xây dựng lại, cải tạo, hiện đại hoá khôi phục các công trình nhà máy, xí nghiệp, đường xá, cầu cống, nhà cửa... nhằm phục vụ cho sản xuất và đời sống xã hội. Đây còn là ngành sản xuất vật chất đặc biệt ở chỗ nó có chức năng tái sản xuất tài sản cố định cho tất cả các ngành trong nền kinh tế quốc dân. So với các ngành kinh tế khác xây dựng cơ bản có những đặc điểm kỹ thuật đặc trưng, thể

hiện rõ nét ở vật liệu xây dựng, sản phẩm xây lắp và quá trình tạo ra sản phẩm của ngành.

Sản phẩm xây dựng cơ bản cũng được tiến hành sản xuất một cách liên tục từ khâu thăm dò, điều tra khảo sát đến thiết kế thi công và quyết toán công trình khi hoàn thành. Sản phẩm xây dựng cơ bản là những công trình phục vụ cho sản xuất hoặc dân dụng, chúng được gắn liền trên một địa điểm nhất định như: đất đai, mặt nước, mặt biển và thêm lục địa nó được tạo thành từ vật liệu xây dựng, nhân công và máy móc thiết bị. Đặc điểm của sản phẩm xây dựng là có quy mô, kết cấu phức tạp, thời gian thi công tương đối dài, và có giá trị lớn, khối lượng công trình lớn. Hơn nữa sản phẩm xây dựng cơ bản mang tính cố định nơi sản xuất. Sản phẩm sau khi hoàn thành cũng là nơi tiêu thụ hoặc đưa vào hoạt động. Sản phẩm xây dựng đa dạng nhưng mang tính chất đơn chiếc, một công trình xây dựng được thiết kế kỹ thuật riêng tại một thời điểm nhất định. Quá trình khởi công xây dựng cho đến khi công trình bàn giao được đưa vào sử dụng thường là thời gian dài bởi vì nó phụ thuộc vào quy mô, tính chất phức tạp về kỹ thuật của công trình.

Sản xuất cơ bản thường diễn ra ngoài trời, chịu tác động trực tiếp bởi điều kiện môi trường, thiên nhiên, thời tiết và do đó việc thi công xây lắp ở một mức độ nào đó mang tính chất thời vụ. Do đặc điểm này, trong quá trình thi công cần tổ chức quản lý lao động, vật tư chặt chẽ, đảm bảo thi công nhanh, đúng tiến độ khi điều kiện môi trường thời tiết thuận lợi. Trong điều kiện thời tiết không thuận lợi sẽ ảnh hưởng đến chất lượng thi công có thể sẽ phát sinh các khối lượng công trình phải phá đi làm lại và các thiết bị thiệt hại phát sinh do ngừng sản xuất. Doanh nghiệp cần có kế hoạch điều động cho phù hợp nhằm tiết kiệm để hạ giá thành.

2.1.3. Quy trình công nghệ sản xuất của công ty

Do đặc điểm của ngành xây dựng và sản phẩm xây dựng cơ bản, nên quy trình sản xuất của công ty có đặc điểm sản xuất liên tục, phức tạp, trải qua nhiều

gia đoạn khác nhau mỗi công trình đều có dự toán thiết kế riêng và thi công ở các địa điểm khác nhau. Thường thường quy trình sản xuất của các công trình tiến hành theo các bước sau:

Bước 1 : Lập dự toán công trình, lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch mua sắm nguyên vật liệu, chuẩn bị vốn và các điều kiện khác để thi công công trình và các trang thiết bị chuyên ngành để phục vụ cho việc thi công công trình

Bước 2: Khởi công xây dựng , quá trình thi công được tiến hành theo công đoạn, điểm dừng kỹ thuật, mỗi lần kết thúc một công đoạn lại tiến hành nghiệm thu.

Bước 3: Hoàn thiện công trình, bàn giao công trình cho chủ đầu tư, đưa vào sử dụng.

2.1.4. Quy trình kiểm tra chất lượng của công trình

Bên chủ đầu tư thuê giám sát viên nhằm giám sát tính chính xác của kỹ thuật công trình so với bản thiết kế, giám sát quá trình thi công của bên nhận thầu, quá trình nghiệm thu công trình

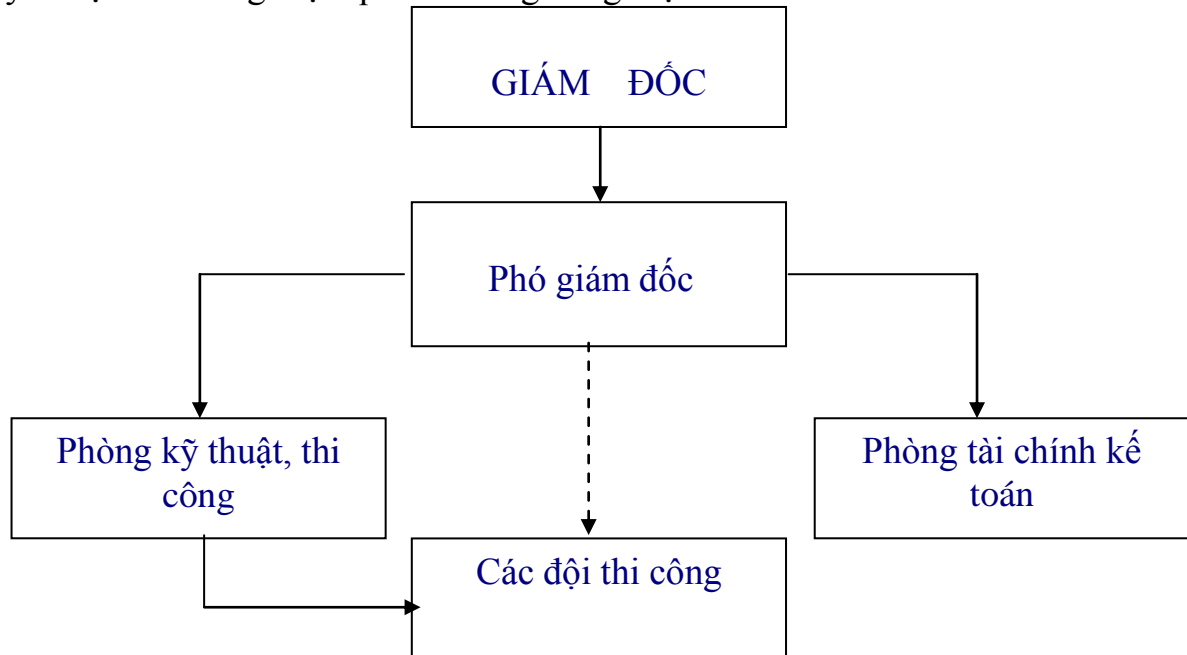
Bên nhận thầu việc giám sát được chịu trách nhiệm bởi phó giám đốc và phòng kỹ thuật

- Phó giám đốc chịu trách nhiệm giám sát kiểm tra kỹ thuật của công trình nhất
- Phòng kỹ thuật chịu trách nhiệm giám sát tất cả các quy trình kỹ thuật, các chi phí biến đổi đột xuất của công trình, với các đội trưởng công trình, là nơi chịu trách nhiệm chính về các vấn đề của công trình trước công ty (kiểm tra giám sát một cách thường xuyên).

Ngoài ra còn có sự kiểm soát chéo sự trao đổi đánh giá giữa bên chủ đầu tư và bên thi công mà trực tiếp là phòng kinh tế kỹ thuật và giám sát bên A nhằm tìm ra những sai lầm một cách nhanh nhất và tìm được tiếng nói chung trong quá trình sửa chữa những sai lầm tạo ra hiệu quả sử dụng.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty

Công ty TNHH Thương mại và Vật tư Vinh lập có bộ máy quản lý tổ chức chặt chẽ thống nhất từ trên xuống dưới. Sự thống nhất trong công tác quản lý đã tạo ra những hiệu quả tốt trong công việc.



Sơ đồ 08: Bộ máy quản lý của công ty

Trong đó:

Giám đốc công ty: là người giao dịch chính thức và là đại diện hợp pháp của công ty, chịu trách nhiệm cao nhất trước pháp luật về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, điều hành toàn bộ hoạt động chung, và là người ra quyết định cuối cùng trong mọi hoạt động của công ty.

Phó giám đốc công ty: là người giúp việc cho giám đốc. Chịu trách nhiệm trước giám đốc về công tác điều hành sản xuất và kỹ thuật. Là người thừa hành lệnh của giám đốc, và quyết định thay giám đốc các vấn đề được giám đốc ủy quyền.

Các phòng ban chức năng:

Phòng kỹ thuật:

Nơi lập dự toán, quyết toán, biện pháp thi công, được xây dựng trên năng lực sản xuất hiện có của các công trình, hạng mục công trình dự kiến triển khai thi công trong năm. Về khả năng sản xuất và bàn giao sản phẩm xây lắp trên cơ

sơ đồ xác định sản xuất kinh doanh, giá trị doanh thu hàng năm.

Kế hoạch sản xuất có thể được lập trong năm năm, trong năm, lập hàng quý nhằm đánh giá và kiểm soát tiến độ hoàn thành, các chi phí phát sinh, khả năng trúng thầu là tốt nhất.

Phòng tài chính kế toán:

Tham mưu cho giám đốc về công tác tài chính kế toán, tổ chức quản lý các nguồn vốn, hạch toán kế toán đúng chế độ, đảm bảo huy động nguồn vốn để đơn vị hoạt động liên tục và có hiệu quả. Theo dõi tình hình phát sinh nhập xuất tồn của tất cả các nguyên vật liệu, tài sản trong toàn công ty.

Các đội thi công:

Là các đội tổ chức thi công trực tiếp các công theo kế hoạch dự án mà công ty tham gia dự thầu có trách nhiệm.

Tổ chức thi công đảm bảo tiến độ chất lượng theo yêu cầu của thiết kế của bên chủ đầu tư và theo quyết định giao việc của công ty.

Thực hiện nghiêm túc hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn thi công đảm bảo uy tín với bên chủ đầu tư.

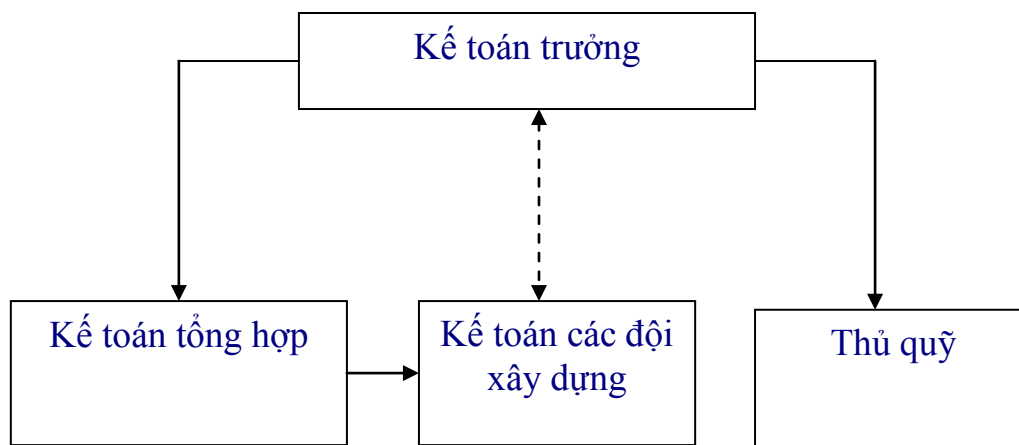
Cắt cử cán bộ kỹ thuật phụ trách thi công lập dự toán cùng kỹ thuật bên A lập biên bản nghiệm thu theo từng giai đoạn hồ sơ hoàn thành kỹ thuật và thanh quyết toán công trình với bên A, gửi các biên bản nghiệm thu khối lượng về phòng kỹ thuật thi công cho công ty để thanh toán tiền lương và quyết toán khoán gọn cho các đội sản xuất.

2.1.6. Tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.6.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Cùng với nhiệm vụ vai trò của mình xuất phát từ đặc điểm hoạt động và quản lý của công ty bộ máy kế toán được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung, tức là toàn bộ công tác kế toán được thực hiện tại phòng kế toán của công ty. Các chứng từ liên quan được phòng kế toán lưu giữ. Tại đây, nhân viên kế toán sẽ tập hợp số liệu ghi sổ, hạch toán chi phí, tính kết quả kinh doanh, lập các báo cáo tài

chính.



Sơ đồ 09: Bộ máy kế toán

Trong đó:

- *Kế toán trưởng:*
 - Theo dõi tình hình thu chi tiền mặt, theo dõi các khoản phải thu, phải trả và tình hình thanh toán các khoản công nợ của doanh nghiệp.
 - Phụ trách, chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của Công ty.
 - Là kiểm soát viên kinh tế tài chính
 - Phân tích, cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho ban lãnh đạo công ty, là người chịu trách nhiệm chính cao nhất trước giám đốc và pháp luật về những số liệu báo cáo kế toán.
- *Thủ quỹ:*
 - Quản lý quỹ tiền mặt, có nhiệm vụ thu, chi, tiền mặt trên cơ sở chứng từ thu, chi, giấy tạm ứng, đề nghị thanh toán...Lập báo cáo tồn quỹ tiền mặt theo quy định.
- *Kế toán tổng hợp*
 - Quản lý, kiểm kê đánh giá vật tư, nguyên vật liệu và tài sản cố định của doanh nghiệp
 - Trích khấu hao tài sản cố định
 - Mở sổ theo dõi tình hình biến động của các loại vật tư, nguyên vật

liệu và TSCĐ

- Hàng tháng căn cứ vào kết quả hoạt động của các nhân viên để tính lương cho mọi người.
- Tính và trích các khoản phải nộp theo lương
- *Kế toán các đội xây dựng:*
 - Có nhiệm vụ thống kê toàn bộ tình hình chi phí phát sinh trong tháng, thống kê giá trị khối lượng hoàn thành trong tháng để báo cáo về chi nhánh. Tiến hành theo dõi, phát lương cho bộ phận của mình hàng tháng.

2.1.6.2. Tổ chức vận dụng chứng từ tại công ty

Hiện nay, công ty sử dụng hầu hết các chứng từ trong hệ thống chứng từ kế toán theo Quyết định số 15/2006 ngày 20 tháng 3 năm 2006 do Bộ tài chính ban hành

2.1.6.3. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản tại công ty

Hiện nay, công ty sử dụng hầu hết các tài khoản trong hệ thống tài khoản kế toán theo Quyết định số 15/2006 ngày 20 tháng 3 năm 2006 do Bộ tài chính ban hành

2.1.6.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán

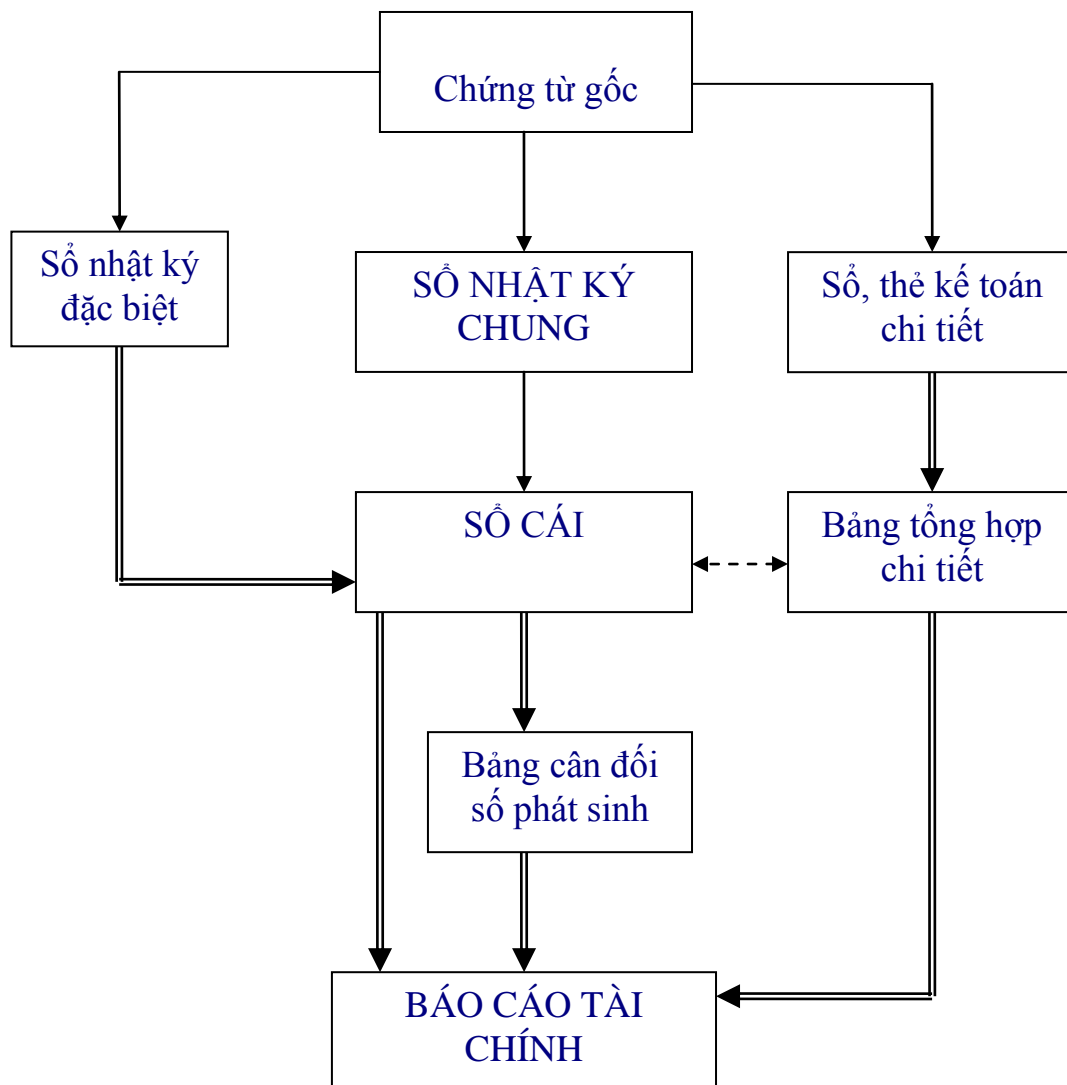
Để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của công ty, hiện nay công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Đặc điểm cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ. Sau đó lấy số liệu trên sổ nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức Nhật ký chung bao gồm các loại sổ:

- Sổ Nhật ký chung: ghi chép nghiệp vụ kinh tế theo trình tự thời gian và quan hệ đối ứng của các nghiệp vụ đó, làm cơ sở để ghi vào sổ cái
- Sổ cái: Là sổ kế toán tổng hợp dùng để tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp

vụ kinh tế phát sinh của từng tài khoản tổng hợp. Số liệu vào sổ cái cuối tháng được dùng để ghi vào Bảng cân đối số phát sinh.

- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết: ghi chi tiết cho từng tài khoản.



Sơ đồ 10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức “Nhật ký chung”

Trong đó:

—————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ

<-----> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Trình tự ghi sổ:

- Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ

ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu đúng khớp số liệu sẽ được dùng để lập báo cáo tài chính

2.1.6.5. Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính của công ty

Báo cáo tài chính của công ty bao gồm các loại:

- Bảng cân đối kế toán
- Bảng cân đối số phát sinh
- Thuyết minh báo cáo tài chính
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

2.2. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ VINH LẬP

2.2.1. Tổ chức công tác quản lý chung về nguyên vật liệu trong công ty

2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty

Mỗi doanh nghiệp có một đặc thù riêng về nguyên vật liệu. Tại công ty, vật liệu thường có đặc điểm là công kênh, khối lượng lớn, vật liệu có nhiều loại khác nhau, rất phong phú, đa dạng. Ví dụ : xi măng gồm xi măng trắng, xi măng đen...; thép gồm ϕ 12, ϕ 10, ϕ 8...; gạch có gạch lát, gạch đặc, gạch lỗ...nhựa đường... chúng được sử dụng với khối lượng lớn nhỏ khác nhau và được mua với nhiều hình thức khác nhau, có loại mua ở đại lý, cửa hàng như xi măng, sắt, thép, gạch, có loại mua ở như bãi như: vôi, sỏi, cát... cho nên việc bảo quản gặp khó khăn, dễ hao hụt mất mát ảnh hưởng đến việc tính giá.

Do nguyên vật liệu thuộc tài sản ngắn hạn, giá trị của nó thuộc vốn lưu động dự trữ của doanh nghiệp, chiếm một tỷ trọng rất lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Vì vậy, việc quản lý quy trình thu mua, vận chuyển, bảo quản, dự trữ, sử dụng cũng như việc hạch toán nguyên vật liệu trực tiếp tác động

đến những chỉ tiêu của Công ty như chỉ tiêu số lượng, chất lượng sản phẩm, chỉ tiêu giá thành, chỉ tiêu lợi nhuận...

2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu trong công ty

Vật liệu của Công ty bao gồm rất nhiều loại, nhiều thứ có nội dung và công dụng khác nhau. Để có thể quản lý một cách chặt chẽ và tổ chức hạch toán tổng hợp cũng như hạch toán chi tiết tới từng loại, từng thứ nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất nên kế toán cần phải phân loại. Công ty tiến hành phân loại nguyên vật liệu dựa trên nội dung kinh tế vai trò của từng loại, từng thứ nguyên vật liệu cụ thể là:

- *Nguyên vật liệu chính:* Là đối tượng lao động chủ yếu của Công ty và là cơ sở vật chất chủ yếu hình thành nên sản phẩm như: nhựa đường, đá các loại, xi măng, cát vàng, cát đen...
- *Nguyên vật liệu phụ:* Cũng là đối tượng lao động nó không cấu thành nên thực thể của công trình nhưng nó có tác dụng tăng chất lượng của công trình và tạo điều kiện cho quá trình sản xuất được tiến hành bình thường bao gồm các loại: phụ gia, bê tông, gỗ, sơn, đất đèn...
- *Nhiên liệu:* Bao gồm xăng, Dầu Diezen, dầu phụ... dùng để cung cấp cho đội xe cơ giới vận chuyển chuyên chở nguyên vật liệu hoặc chở cán bộ lãnh đạo của Công ty hay các phòng ban đi liên hệ công tác.
- *Phụ tùng thay thế:* Là các chi tiết phụ tùng của các loại máy móc thiết bị như các loại vòng bi, bánh răng...
- *Vật liệu khác:* Là các loại vật liệu không được xếp vào các loại trên. Các loại vật liệu này do quá trình sản xuất loại ra như các loại phế liệu, vật liệu thu hồi do thanh lý...

Để phục vụ cho nhu cầu quản lý và hạch toán nguyên vật liệu Công ty đã phân loại một cách khoa học, tuy nhiên Công ty chưa lập sổ danh điểm vật liệu nên việc phân loại chỉ được thể hiện trên sổ chi tiết vật liệu.

2.2.1.3. Tính giá nguyên vật liệu:

Để theo dõi tình hình biến động của vật liệu, kế toán phải tiến hành đánh giá nguyên vật liệu theo những nguyên tắc nhất định phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh cụ thể tại công ty. Đó là việc xác định giá trị vật liệu nhập kho, xuất kho và tồn kho theo phương pháp phù hợp.

Xuất phát từ đặc điểm vật liệu của công ty, kế toán đã sử dụng cách đánh giá nguyên vật liệu theo giá thực tế.

*** Tính giá nguyên vật liệu nhập kho**

Do tính chất sản xuất kinh doanh của công ty nên nguồn nguyên vật liệu chủ yếu mua ở bên ngoài của một số doanh nghiệp như: Công ty TNHH thương mại và vật tư Ngọc Diệp, Công ty TNHH Trung Hạnh...

Trị giá nguyên vật liệu được tính như sau:

Giá trị thực tế vật liệu = Giá mua theo hóa đơn + Chi phí thu mua

Trong đó: chi phí thu mua bao gồm chi phí bốc dỡ, vận chuyển, bảo quản...

Ví dụ 1: Theo hoá đơn Giá trị gia tăng số 015380 ngày 4 tháng 12 năm 2009 mua vật tư của công ty TNHH một thành viên Huế Tuyên với giá mua trên hoá đơn là 145.000.000 đồng, VAT 10%. Chi phí vận chuyển đã thanh toán bằng tiền mặt 100.000 đồng(VAT 5%)

Giá trị thực tế vật liệu = 145.000.000 + 100.000 = 145.100.000(đồng)

Vậy trị giá thực tế vật liệu nhập kho là 145.100.000 đồng

*** Tính giá nguyên vật liệu xuất kho:**

Công ty lựa chọn phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ, giá trị của từng loại nguyên vật liệu được tính theo giá trị trung bình của từng loại nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ và giá trị của từng loại nguyên vật liệu được mua trong kỳ. Để phục vụ tốt công tác hạch toán, kế toán vật tư mở chi tiết loại vật tư theo từng mã nhất định, theo dõi đơn giá, số lượng nhập, xuất, tồn cho từng vật liệu như nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu...

Giá thực tế vật liệu xuất kho = khối lượng x đơn giá bình quân gia quyền

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền} = \frac{\text{Trị giá vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vật liệu nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật liệu nhập trong kỳ}}$$

Ví dụ 2: Tính giá xi măng PC 30 xuất kho trong tháng 12

Tồn đầu kỳ: số lượng: 7000(kg) - đơn giá: 890(đồng/kg)

Nhập trong kỳ:

1. Ngày 3/12/2009 mua 10.000 kg xi măng của công ty TNHH Trung hạnh với đơn giá 890 đồng/kg, VAT 10%.
2. Ngày 14/12/2009 mua 15.000 kg xi măng của công ty TNHH Trung hạnh với đơn giá 895 đồng/kg, VAT 10%.
3. Ngày 25/12/2009 mua 20.000 kg xi măng của công ty TNHH Trung hạnh với đơn giá 900 đồng/kg, VAT 10%.

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân gia quyền} &= \frac{6.230.000 + 8.900.000 + 13.425.000 + 18.000.000}{\text{cả kỳ dự trữ} \quad 7000 \quad + \quad (10.000 + 15.000 + 20000)} \\ &= 895,29 \text{ đồng/kg} \end{aligned}$$

2.2.2. Thủ tục nhập xuất, kế toán chi tiết nguyên vật liệu

2.2.2.1. Thủ tục Nhập – Xuất kho nguyên vật liệu

* Thủ tục nhập kho:

Theo chế độ kế toán quy định, tất cả các loại vật liệu về đến công ty đều phải tiến hành kiểm nhận và làm thủ tục nhập kho.

Kế toán căn cứ vào “ Hồ sơ dự toán công trình” tính xem số lượng vật tư cần cho công trình là bao nhiêu, đối chiếu với “ Sổ chi tiết nguyên vật liệu” xem còn nguyên vật liệu hay đã dùng hết, lập danh sách các vật tư cần mua rồi đưa cho Giám đốc duyệt.

Sau khi được Giám đốc duyệt, kế toán đưa số lượng vật tư cần mua cho nhân viên được cử đi mua vật tư.

Nguyên vật liệu trước khi nhập kho phải được kiểm nghiệm về số lượng, chất lượng, chủng loại. Mục đích của kiểm nghiệm là xác định số lượng, chất lượng vật liệu của khách hàng trước khi nhập kho và làm căn cứ quy trách nhiệm rõ ràng trong khi bảo quản đến khi xuất kho. Khi vật liệu được chuyển đến công ty, người đi nhận hàng phải mang hoá đơn của bên bán vật liệu lên phòng kế toán trong hoá đơn đã ghi rõ các chỉ tiêu: chủng loại, quy cách vật liệu, khối lượng vật liệu, đơn giá vật liệu, thành tiền, hình thức thanh toán...

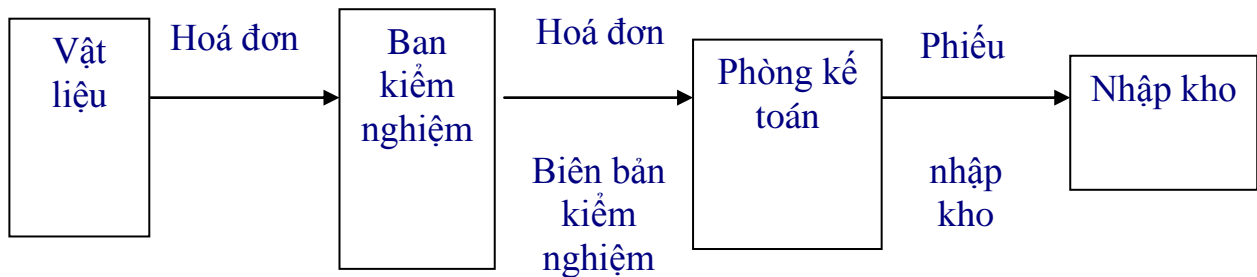
Căn cứ vào hoá đơn của đơn vị bán, phòng kế toán xem xét tính hợp lý của hoá đơn, nếu nội dung ghi trong hoá đơn phù hợp với hợp đồng đã ký, đúng chủng loại, đủ số lượng, chất lượng đảm bảo... thì đồng ý nhập kho số vật liệu đó, sau đó lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho kế toán ghi số lượng vật tư ghi trên hợp đồng, đồng thời nhập thành 2 liên phiếu nhập kho.

- Một liên giao lưu ở cuống sổ
- Một liên thủ kho giữ làm căn cứ vào thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán để ghi sổ.

Người nhận mua hàng mang hoá đơn cùng phiếu nhập kho tới để giao hàng cho thủ kho. Khi vật tư về đến kho, thủ kho kiểm tra số lượng và chất lượng của vật tư sau đó cho nhập vật tư, thủ kho sẽ ghi phần số lượng thực nhập của vật tư. Đồng thời tiến hành ghi thẻ kho. Cuối ngày, thủ kho phải chuyển cho kế toán vật liệu phiếu nhập kèm theo hoá đơn GTGT, Biên bản kiểm nghiệm vật tư chuyển cho kế toán để tiến hành ghi sổ. Đồng thời kế toán phải đối chiếu theo dõi kế toán công nợ để phát hiện những trường hợp thủ kho còn thiếu phiếu

nhập kho chưa mang lên hoặc nhân viên tiếp liệu chưa mang chứng từ hoá đơn đến thanh toán nợ. Kế toán theo dõi công nợ phải thường xuyên theo dõi thông báo số nợ của từng người và có biện pháp thanh toán dứt điểm tránh tình trạng nợ lần dây dưa.

Thủ tục nhập kho được thể hiện theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 12: Thủ tục nhập kho

* Thủ tục xuất kho.

Vật liệu chủ yếu được xuất kho cho các đội xây dựng thi công các công trình. Nguyên vật liệu của công ty gồm nhiều chủng loại, việc xuất dùng diễn ra thường xuyên trong ngày cho từng bộ phận sử dụng là các đội công trình. Việc xuất vật liệu được căn cứ vào nhu cầu thi công và định mức tiêu hao NVL trên cơ sở các đơn đặt hàng được ký kết. Sau khi có lệnh sản xuất của giám đốc, phòng kỹ thuật thi công xuất, theo dõi sát xao tiến độ thi công các công trình và tiến độ thực hiện các hợp đồng.

Căn cứ vào số lượng vật tư yêu cầu tính toán theo định mức sử dụng của cán bộ kỹ thuật, sau khi trình Giám đốc duyệt và nhận lệnh xuất vật tư, phòng kế toán lập phiếu xuất kho gồm 3 liên. Người lĩnh vật tư mang phiếu xuất vật tư và lệnh xuất vật tư đến kho để xin lĩnh vật tư. Thủ kho giữ lại một liên để vào thẻ kho, một liên gửi cán bộ kỹ thuật phụ trách công trường để kiểm tra số lượng và chất lượng vật liệu đưa từ kho đến nơi sử dụng, một liên kế toán vật tư giữ lại để hạch toán. Công ty sử dụng phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ để

tính giá vật liệu xuất kho. Vì vậy, cột đơn giá và thành tiền kế toán không ghi khi lập phiếu xuất kho, đơn giá xuất kho sẽ được kế toán xác định vào cuối tháng khi đã tổng hợp được tổng số nguyên vật liệu nhập trong kỳ.

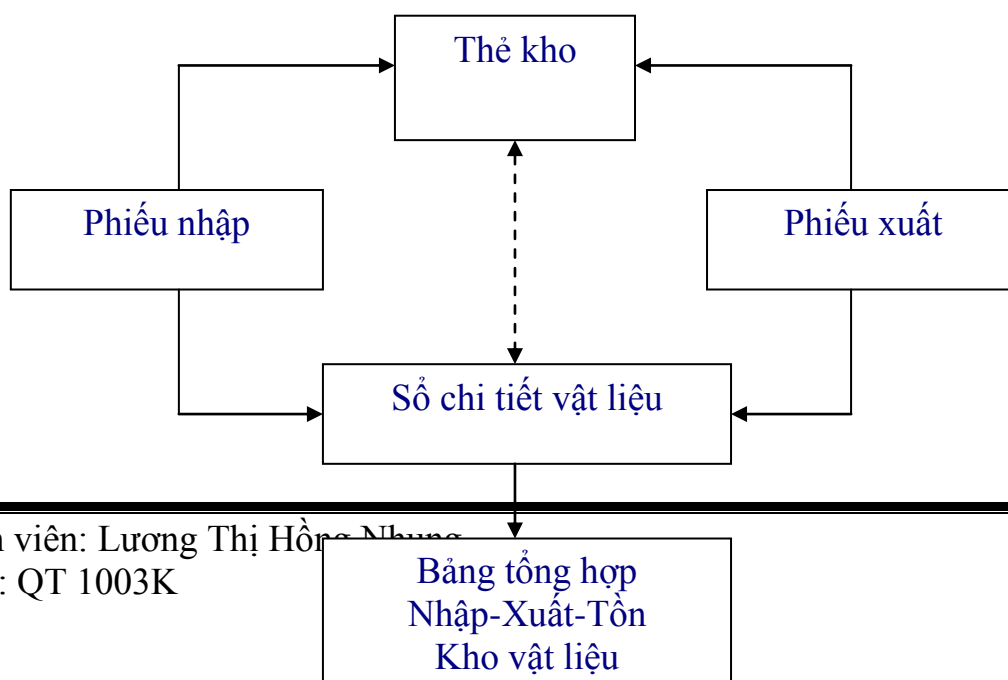
2.2.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Một trong những yêu cầu của công tác quản lý vật liệu đòi hỏi phải phản ánh, theo dõi chặt chẽ tình hình nhập, xuất, tồn kho cho từng nhóm, từng loại vật liệu cả về số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị. Hạch toán chi tiết vật liệu công ty sẽ đáp ứng được nhu cầu này. Hạch toán chi tiết vật liệu là việc hạch toán kết hợp giữa kho và phòng kế toán nhằm mục đích theo dõi chặt chẽ tình hình nhập, xuất, tồn kho cho từng thứ, từng loại vật liệu cả về số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

Để tổ chức thực hiện được toàn bộ công tác kế toán vật liệu nói chung và kế toán chi tiết vật liệu nói riêng, thì trước hết phải bằng phương pháp chứng từ kế toán để phản ánh tất cả các nghiệp vụ có liên quan đến nhập xuất vật liệu. Chứng từ kế toán là cơ sở pháp lý để ghi sổ kế toán. Tại công ty chứng từ kế toán được sử dụng trong phần hạch toán kế toán chi tiết vật liệu là:

- Phiếu nhập kho vật liệu, Phiếu xuất kho vật liệu
- Sổ (thẻ) kế toán chi tiết vật liệu
- Bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu

Trình tự luân chuyển chứng từ theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 11: Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp “Thẻ song song”

Đối với chứng từ nhập kho, thủ kho ghi đầy đủ ngày nhập kho, số lượng
Đối với chứng từ xuất kho, thủ kho ghi đầy đủ ngày nhập kho, số lượng
vật liệu thực tế xuất kho của từng phiếu xuất kho.

- **Kế toán chi tiết nhập nguyên vật liệu**

Ví dụ 3: Ngày 4/12/2009 mua thép cuộn của công ty TNHH Trung Hạnh với tổng giá thanh toán là 155.950.000 đồng (VAT 10%), chưa thanh toán.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 16678(Biểu 2.1) và Biên bản kiểm nghiệm vật tư (Biểu 2.2) kế toán tiến hành ghi Phiếu nhập kho(Biểu 2.3)

Từ Phiếu nhập kho kế toán tiến hành ghi Sổ chi tiết Nguyên vật liệu (Biểu 2.6), cuối tháng lập Bảng tổng hợp chi tiết nhập-xuất-tồn nguyên vật liệu(Biểu 2.7). Ở kho, thủ kho tiến hành ghi Thẻ kho(Biểu 2.8)

- **Kế toán chi tiết xuất nguyên vật liệu**

Ví dụ 4: Ngày 5/12/2009 xuất kho 5.000kg thép cuộn phục vụ xây dựng công trình.

Căn cứ vào lệnh xuất kho(Biểu 2.4) đã được duyệt kế toán tiến hành viết Phiếu xuất kho(Biểu 2.5)

Từ phiếu xuất kho kế toán tiến hành ghi Sổ chi tiết nguyên vật liệu (Biểu 2.6). Cuối tháng kế toán tiến hành lập Bảng tổng hợp chi tiết nhập-xuất-tồn nguyên vật liệu(Biểu 2.7). Ở kho thủ kho tiến hành ghi Thẻ kho(Biểu 2.8)

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT- 3LL
GK/2009B

Liên 2: Giao khách hàng

016678

Ngày 04 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Trung hạnh.....

Địa chỉ: Phù Ninh – Thủy nguyên – Hải phòng.....

Số tài khoản:.....

Điện thoại..... MS: 0200453141.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Cty TNHH TM và VT Vinh lập.....

Địa chỉ: Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng.....

Số tài khoản: 32110000480106.....

Hình thức thanh toán:.....MS: 0200412789.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Thép cuộn	kg	11.500	12.300	141.450.000
Cộng tiền hàng					141.450.000
Thuế suất GTGT:		10%	Tiền thuế GTGT:		14.145.000
Tổng cộng tiền thanh toán					155.595.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Một trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng chẵn./</i>					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)
tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ

Biểu 2.1

CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ

Mẫu số 03-VT

VINH LẬP

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày**Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng**20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)***BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ**

Ngày 04 tháng 12 năm 2009

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 016678 ngày 04 tháng 12 năm 2009 của công ty TNHH thương mại và vật tư Vinh lập theo hợp đồng số 150/ HĐKT ngày 03 tháng 12 năm 2009

Ban kiểm nghiệm gồm có:

Ông Hà Văn Vinh – Trưởng ban - Phó giám đốc công ty TNHH thương mại và vật tư Vinh lập

Ông Nguyễn Văn Nam – Ủy viên - Thủ kho công ty TNHH thương mại và vật tư Vinh Lập

Bà Lê Ngọc Hân - Ủy viên – Kế toán công ty TNHH thương mại và vật tư Vinh Lập

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư sau đây:

TT	Tên nhãn hiệu vật liệu	Đơn vị tính (kg)	Số Lượng		Không đúng quy cách phẩm chất
			Theo chứng từ	Đúng quy cách phẩm chất	
1	Thép cuộn	kg	11.500	11.500	0

Kết luận của ban kiểm nghiệm: Đã kiểm tra, đồng ý nhập kho./

Ủy viên

Ủy viên

Trưởng ban

Biểu 2.2

CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ

Mẫu số 01-VT

VINH LẬP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 04 tháng 12 năm 2009

Số: 20

TK Nợ 152

TK Có 331

Lý do nhập: Nhập vật tư xây dựng công trình

Nhà cung cấp: Cty TNHH Trung Hạnh

Mã hàng	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1886	Thép cuộn	kg	11.500	12.300	43.050.000
Cộng					141.450.000

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): *Một trãmbốn mươi mốt triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.*

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ

Ngày 04 tháng 12 năm 2009

Người lập

Người nhận

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.3

Sinh viên: Lương Thị Hồng Nhung

53

Lớp: QT 1003K

VINH LẬP

*Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng***LỆNH XUẤT KHO**

STT	Tên hàng	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng
1	Thép cuộn	1886	kg	5.000

Ngày 05 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.4

CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ

Mẫu số 02-VT

VINH LẬP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số:

Ngày 05 tháng 12 năm 2009

Nợ Tk 621

Có Tk 152

- Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Thắng

- Lý do xuất kho: Xuất kho vật tư theo lệnh xuất

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép cuộn	1886	kg	5.000	5.000		
	Cộng			5.000	5.000		

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ):

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ

Ngày 05 tháng 12 năm 2009

Người lập Người nhận Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu 2.5

CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ VINH LẬP

Mẫu số S10 – DN

Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của

Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ(SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Năm 2009

Tài khoản: 152 - TC

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ(sản phẩm, hàng hoá): Thép cuộn

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Tồn đầu kỳ		12.300					10.000	123.000.000
	
HD 16678	04/12	Nhập vật tư	112	12.300	11.500	141.450.000			21.500	264.450.000
PX 100	05/12	Xuất vật tư	621	12.300			5.000	61.500.000	16.500	202.950.000
...	
		Cộng			20.000	246.000.000	25.000	307.500.000		
		Tồn cuối kỳ							5.000	61.500.000

Biểu 2.6

CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ VINH LẬP

Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng

Mẫu số S11 – DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ

Tài khoản: 152

STT	Mã số	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ(sp,hh)	Đơn vị tính	Tồn đầu		Nhập		Xuất		Tồn cuối	
				Số Lượng	Thành Tiền	Số Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền

3	1125	Xi măng PC30	kg	7.000	6.230.000	45.000	46.555.000	42.000	37.602.180	10.000	8.952.900
4	1886	Thép cuộn	kg	10.000	123.000.000	20.000	246.000.000	25.000	307.500.000	5.000	61.500.000
	
		Cộng	

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập

(ký, ghi rõ họ và tên)

Kế toán trưởng

(ký, ghi rõ họ và tên)

Biểu 2.7

CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ

Mẫu số S12 – DN

VINH LẬP

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Kênh Giang – Thủy Nguyên – Hải Phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: Tháng 12 năm 2009

Tờ số:

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Thép cuộn

Đơn vị tính: Kg

Mã số: 1886

Chứng từ		Diễn giải	Ngày tháng ghi sổ	Số lượng			Ký nhận kế toán
Số hiệu	Ngày tháng			Nhập	Xuất	Tồn	
		Tồn đầu kỳ			10.000		
...			
HD 16678	04/12	Nhập vật tư	04/12	11.500		21.500	
PX 100	05/12	Xuất vật tư	05/12		5.000	16.500	
....		
		Cộng		20.000	25.000	5.000	

Kế toán

(ký, ghi rõ họ tên)

Thủ kho

(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.8

2.2.3. Kế toán tổng hợp Nguyên vật liệu

Thước đo tiền tệ là thước đo chủ yếu kế toán sử dụng và nói tới hạch toán là nói tới số liệu có, tình hình biến động toàn bộ tài sản của công ty theo chỉ tiêu giá trị. Kế toán chi tiết vật liệu chưa đảm bảo đáp ứng được yêu cầu này mà chỉ bằng kế toán tổng hợp ghi chép, phản ánh các đối tượng kế toán theo chỉ tiêu giá trị trên các tài khoản sổ kế toán tổng hợp mới đáp ứng được yêu cầu đó.

Vậy kế toán tổng hợp là việc sử dụng các tài khoản kế toán để phản ánh, kiểm tra và giám sát các đối tượng kế toán có nội dung kinh tế ở các dạng tổng quát. Do đặc điểm vật liệu ở công ty rất đa dạng và phong phú, công ty đã áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nhập xuất vật liệu.

Công ty sử dụng tài khoản 152 để phản ánh quá trình nhập xuất vật liệu và tài khoản 331, tài khoản 112, tài khoản 311, tài khoản 621, tài khoản 623, tài khoản 642, tài khoản 641...

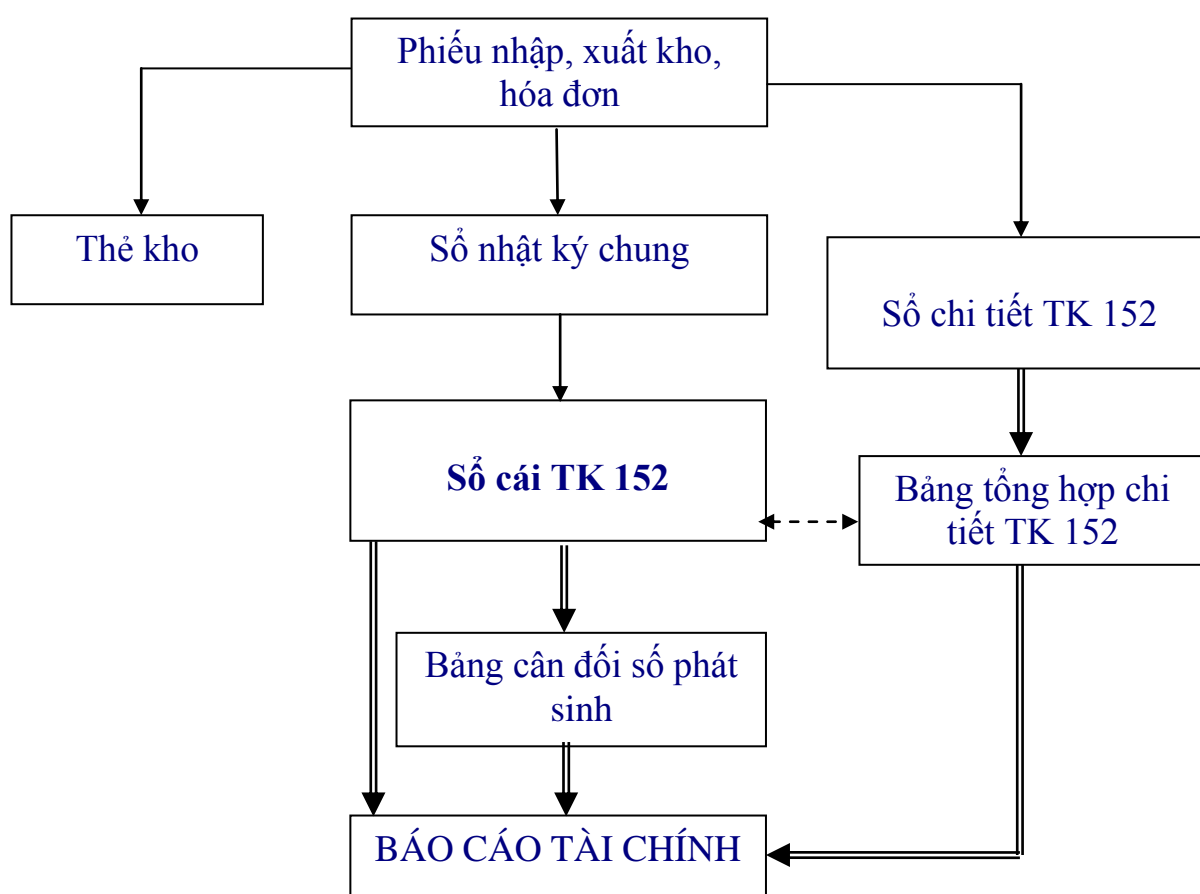
2.2.3.1. Quá trình luân chuyển chứng từ

Để hạch toán nguyên vật liệu công ty sử dụng tài khoản 152 “ Nguyên vật liệu” để phản ánh tình hình tăng, giảm nguyên vật liệu của công ty trong kỳ thông qua quá trình luân chuyển chứng từ.

Trình tự ghi sổ:

Từ Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho thủ kho ghi thẻ kho, kế toán vật tư vào sổ nhật ký chung, sổ Cái TK 152 và các tài khoản khác có liên quan. Đồng thời vào sổ chi tiết vật tư, cuối tháng lập bảng Nhập – Xuất – Tồn để đối chiếu với Sổ Cái TK 152

Cuối niên độ lập Bảng cân đối số phát sinh và báo cáo tài chính



Sơ đồ 13 : Quá trình luân chuyển chứng từ tổng hợp nguyên vật liệu

Trong đó:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi theo tháng
- ←-----> Kiểm tra, đối chiếu

2.2.3.2. Kế toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu

Trong nền kinh tế thị trường việc mua vật liệu được diễn ra thường xuyên nhanh gọn trên cơ sở "thuận mua vừa bán". Thông thường đối với một số đơn vị bán vật liệu cho công ty thường xuyên. Mỗi khi công ty có nhu cầu mua vật liệu căn cứ vào hợp đồng kinh tế giữa hai bên thì đơn vị bán sẽ cung cấp vật liệu cho công ty. Đối với công trình lớn, tiến độ thi công dài đòi hỏi mua nợ nhiều và chịu trách nhiệm thanh toán với người bán sau một thời gian. Hình thức thanh toán có thể bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền vay ngắn hạn...

Mỗi khi công ty có nhu cầu mua vật tư, đơn vị bán sẽ gửi phiếu báo giá đến trước. Căn cứ vào phiếu báo giá này công ty chuẩn bị tiền để có thể chuyển trả trước tùy thuộc vào khả năng công ty. Nếu trả sau hoặc đồng thời thì căn cứ vào hoá đơn do đơn vị bán cùng lúc hàng về nhập kho công ty. Như vậy là không có trường hợp hàng về mà hoá đơn chưa về hoặc ngược lại. Kế toán ghi sổ một trường hợp duy nhất là hàng và hoá đơn cùng về. Do đó công tác ghi sổ kế toán có đơn giản hơn.

Để theo dõi quan hệ thanh toán với những người bán, công ty sử dụng sổ chi tiết thanh toán với người bán - tài khoản 331 "Phải trả cho người bán". Đây là sổ dùng để theo dõi chi tiết các nghiệp vụ nhập vật liệu và quá trình thanh toán với từng người bán của công ty.

Căn cứ vào các chứng từ gốc nhập vật liệu ở phần kế toán chi tiết và các chứng từ gốc trong tháng 12 năm 2009, kế toán tiến hành định khoản một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu phát sinh trong quá trình nhập kho vật liệu và quá trình thanh toán với người bán.

- Trường hợp công ty nhập kho nguyên vật liệu đã thanh toán với khách hàng bằng chuyển khoản.

Ví dụ 5: Trường hợp ngày 03/12/2002 hàng Xi Măng về kèm theo hoá đơn số 16661 ngày 03/12/2009 số tiền vật liệu nhập về là 9.790.000 đồng (VAT 10%), công ty trả bằng chuyển khoản.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 152: 8.900.000

Nợ TK 133: 890.000

Có TK 112: 9.790.000

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 16661 ngày 3 tháng 12 năm 2009 (Biểu 2.9) và Biên bản kiểm nghiệm vật tư (Biểu 2.10), kế toán tiến hành ghi Phiếu nhập kho(Biểu 2.11). Đồng thời tiến hành ghi Ủy nhiệm chi (Biểu 2.12)

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung(Biểu

2.16). Từ sổ Nhật ký chung kế toán tiến hành ghi Sổ cái TK 152(Biểu 2.17), Sổ cái 112(Biểu 2.18), đồng thời ghi sổ chi tiết vật liệu (Biểu 2.20), cuối tháng ghi Bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn nguyên vật liệu(Biểu 2.21).

- *Trường hợp công ty nhập kho vật liệu nhưng chưa thanh toán với người bán.*

Ví dụ 6: Ngày 20/12/2009 công ty nhập kho 2.000kg vật liệu chính (Thép cuộn) của Công ty TNHH Trung Hạnh trị giá 24.600.000 đồng, thuế VAT 10%.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 152: 24.600.000

Nợ TK 133: 2.460.000

Có TK 331: 27.060.000

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số16890 ngày 20 tháng 12 năm 2009(Biểu 2.13) và Biên bản kiểm nghiệm vật tư(Biểu 2.14), kế toán tiến hành lập Phiếu nhập kho(Biểu 2.15).

Căn cứ vào Phiếu nhập kho kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung(Biểu 2.16) . Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi Sổ cái tài khoản 152(Biểu 2.17)và Sổ cái TK 331(Biểu 2.19). Ngoài ra kế toán tiến hành ghi sổ chi tiết vật liệu, sổ chi tiết thanh toán với người bán và cuối tháng ghi Bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu, Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người bán(Biểu 2.22).

HOÁ ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT- 3LL

GK/2009B

Liên 2: Giao khách hàng

016661

Ngày 03 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Trung hạnh.....

Địa chỉ: Phù ninh – Thủy nguyên – Hải phòng.....

Số tài khoản:.....

Điện thoại..... MS: 0200453141.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Cty TNHH TM và VT Vinh lập.....

Địa chỉ: Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng.....

Số tài khoản: 32110000480106.....

Hình thức thanh toán:.....CK.....MS: 0200412789.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Xi măng PC 30	kg	10.000	890	8.900.000
Cộng tiền hàng					8.900.000
Thuế suất GTGT:	10%	Tiền thuế GTGT:	890.000		
Tổng cộng tiền thanh toán					9.790.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Chín triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng chẵn./</i>					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

Biểu 2.9

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT

Mẫu số: 03 – VT

TƯ VINH LẬP

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 03 tháng 12 năm 2009

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 016661 ngày 03 tháng 12 năm 2009 của công ty TNHH thương mại và vật tư Vinh lập theo HĐKT số 130 ngày 01 tháng 12 năm 2009.

Ban kiểm nghiệm gồm có:

Ông Hà Văn Vinh – Phó giám đốc công ty TNHH thương mại và vật tư Vinh lập

Ông Nguyễn Văn Nam – Ủy viên – Thủ kho công ty TNHH thương mại và vật tư Vinh Lập

Bà Lê Ngọc Hân - Ủy viên – Kế toán công ty TNHH thương mại và vật tư Vinh lập

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư sau đây:

T	Tên nhãn hiệu vật	Đơn vị	Số Lượng		Không đúng quy
			Theo	Đúng quy cách	
T	liệu	tính	chứng từ	phẩm chất	cách phẩm chất
1	Xi măng PC 30	kg	10.000	10.000	0
	Cộng				

Kết luận của ban kiểm nghiệm: Đã kiểm tra, đồng ý nhập kho./

Ủy viên

Ủy viên

Trưởng ban

Biểu 2.10

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 03 tháng 12 năm 2009

Số:

TK Nợ 152

TK Có 331

Lý do nhập: Nhập vật tư xây dựng công trình

Nhà cung cấp: Cty TNHH Trung Hạnh

Mã hàng	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1125	Xi măng	kg	10.000	890	8.900.000
Cộng					8.900.000

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): *Tám triệu chín trăm nghìn đồng chẵn./*

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ

Ngày 03 tháng 12 năm 2009

Người lập

Người nhận

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.11

ỦY NHIỆM CHI PAYMENT ORDER		Số/Seq No:..... Ngày/Date:03/12/2009	
Số tiền bằng số/Amount in figures:.....8.900.000..... Số tiền bằng chữ/Amount in words:..Tám triệu chín trăm nghìn đồng Nội dung/Remarks:Thanh toán tiền mua vật tư.....		<input type="checkbox"/> <i>Phí trong</i> <i>Charge included</i> <i>Phí NH</i> <i>Charges</i> <input type="checkbox"/> <i>Phí ngoài</i> <i>Charge excluded</i>	
ĐƠN VỊ/NGƯỜI YÊU CẦU:..CTY TNHH THƯƠNG APPLICANT MẠI VÀ VẬT TƯ VINH LẬP Số CMT/ID/PP:..... Ngày cấp/Date:.....Nơi cấp/Place:..... Số TK/A/C No:.. 32110000480106 Tại NH/At Bank:.... ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VN		ĐƠN VỊ/NGƯỜI ĐƯỢC HƯỞNG: CTY TNHH BENEFICIARY.....TRUNG HẠNH. Số CMT/ID/PP:..... Ngày cấp/Date:.....Nơi cấp/Place:..... Số TK/A/C No:..... Tại NH/At Bank:.....	
PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG			
KẾ TOÁN TRƯỞNG CHỦ TÀI KHOẢN Chief accountant Acc holder	NGÂN HÀNG BANK(BIDV) Giao dịch viên Reciveed by	GỬI/SENDING Kiểm soát Verified by	NGÂN HÀNG NHẬN/ RECEIVING BANK Giao dịch viên Kiểm soát Receiverby Verified by

Biểu 2.12

HOÁ ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT- 3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

GK/2009B

Liên 2: Giao khách hàng

016890

Ngày 20 tháng 12 năm 2009

Đơn vị bán hàng: Cty TNHH Trung hạnh.....

Địa chỉ: Phù ninh – Thủy nguyên – Hải phòng.....

Số tài khoản:.....

Điện thoại..... MS: 0200453141.....

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Cty TNHH TM và VT Vinh lập.....

Địa chỉ: Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng.....

Số tài khoản: 32110000480106.....

Hình thức thanh toán:.....MS: 0200412789.....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Thép cuộn	Kg	2.000	12.300	24.600.000
Cộng tiền hàng					24.600.000
Thuế suất GTGT:		10%	Tiền thuế GTGT:		2.460.000
Tổng cộng tiền thanh toán					27.060.000
Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn./					

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

Biểu 2.13

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM VẬT TƯ

Ngày 20 tháng 12 năm 2009

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 016890 ngày 20 tháng 12 năm 2009 của công ty TNHH thương mại và vật tư Vinh lập theo HĐKT số 200 ký ngày 18 tháng 12 năm 2009.

Ban kiểm nghiệm gồm có:

Ông Hà Văn Vinh – Trưởng ban - Phó giám đốc công ty TNHH thương mại và vật tư Vinh lập

Ông Nguyễn Văn Nam – Ủy viên – Thủ kho công ty TNHH thương mại và vật tư Vinh Lập

Bà Lê Ngọc Hân - Ủy viên – Kế toán công ty TNHH thương mại và vật tư Vinh lập

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư sau đây:

TT	Tên nhãn hiệu vật liệu	Đơn vị tính (kg)	Số Lượng		Không đúng quy cách phẩm chất
			Theo chứng từ	Đúng quy cách phẩm chất	
1	Thép cuộn	kg	2.000	2.000	0
	Cộng			2.000	

Kết luận của ban kiểm nghiệm: Đã kiểm tra, đồng ý nhập kho./

Ủy viên

Ủy viên

Trưởng ban

Biểu 2.14

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 20 tháng 12 năm 2009

Số:

TK Nợ 152

TK Có 331

Lý do nhập: Nhập vật tư xây dựng công trình

Nhà cung cấp: Cty TNHH Trung Hạnh

Mã hàng	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1886	Thép cuộn	kg	2.000	12.300	24.600.000
Cộng					24.600.000

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Hai mươi bốn triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn./

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ

Ngày 20 tháng 12 năm 2009

Người lập

Người nhận

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.15

CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ

Mẫu số S03a – DN

VINH LẬP

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài
chính)**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
		
3/12	HĐ 16661	3/12	Mua xi măng		152	8.900.000	
					133	890.000	
					112		9.790.000
3/12	HĐ16670	3/12	Nhập tôn		152	24.500.000	
					133	2.450.000	
					111		26.950.000
4/12	HĐ 16678	4/12	Nhập kho thép		152	24.600.000	
					133	2.460.000	
					331		27.060.000
		
6/12	PC 100	6/12	Thanh toán tiền mua vật tư		111	50.000.000	
					331		50.000.000

			Cộng		

Biểu 2.16

CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ

Mẫu số S03b-DN

VINH LẬP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên Tk: Nguyên vật liệu

Số hiệu: 152

Đơn vị tính: Đồng

Ngày Thán g Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Số Hiệu Tk Đôi ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>		<u>5.490.234.000</u>	
		
3/12	HĐ 16661	3/12	Nhập kho vật tư	112	8.900.000	
3/12	HĐ16670	3/12	Nhập kho vật tư	111	24.500.000	
4/12	HĐ 16678	4/12	Nhập kho vật tư	331	24.600.000	
5/12	PX 100	5/12	Xuất kho vật tư	621		81.600.000
...				
10/12	PX110	10/12	Xuất kho vật tư	621		24.600.000
....	
			Cộng số phát sinh	
			<u>Số dư cuối năm</u>		<u>6.471.173.673</u>	

Biểu 2.17

VINH LẬP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên TK: Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu: 112

Đơn vị tính: Đồng

Ngày Tháng Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	Số Hiệu Tk Đổi ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>		<u>3.089.668.659</u>	
			...			
03/12	HD 16661	03/12	Trả tiền mua vật tư	152		8.900.000
				133		890.000
04/12	PT150	04/12	Rút tiền gửi về nhập quỹ tiền mặt	111	50.000.000	
			...			
			Cộng số phát sinh	
			<u>Số dư cuối năm</u>		<u>3.844.635.608</u>	

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.18

VINH LẬP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			<u>292.763.506</u>
			...			
03/12	HĐ16661	03/12	Mua vật tư nhập kho	152	141.450.000	
				133	14.145.000	
06/12	PC100	06/12	Thanh toán tiền hàng	111		50.000.000
					
			...			
			Cộng SPS		754.999.755	581.083.395
			<u>Số dư cuối năm</u>			<u>118.847.146</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.19

CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ VINH LẬP

Mẫu số S10 – DN

*Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng**(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)***SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ(SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)**

Năm 2009

Tài khoản: 152 – XM PC30

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ(sản phẩm, hàng hoá): Xi măng PC 30

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
		Tồn đầu kỳ		890					7000	6.230.000
HD 16661	03/12	Nhập vật tư	112	890	10.000	8.900.000			17.000	15.130.000
PX100	05/12	Xuất vật tư	621	895,29			12.000	10.743.480	5000	4.386.520
HD 16689	14/12	Nhập vật tư	331	895	15.000	13.425.000			20.000	17.811.520
	
		Cộng			45.000	46.555.000	42.000	37.602.180		
		Tồn cuối kỳ							10.000	8.952.900

Biểu 2.20

CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ VINH LẬP

Mẫu số S11-DN

Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ(SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tài khoản: 152

STT	Mã số	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ(sp,hh)	Đơn vị tính	Tồn đầu		Nhập		Xuất		Tồn cuối	
				Số Lượng	Thành Tiền	Số Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền

3	1125	Xi măng PC30	kg	7.000	6.230.000	45.000	46.555.000	42.000	37.602.180	10.000	8.952.900
4	1886	Thép cuộn	kg	10.000	123.000.000	20.000	246.000.000	25.000	307.500.000	5.000	61.500.000
	
		Cộng	

Tháng 12 năm 2009

Biểu 2.21

CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ VINH LẬP

Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng

Mẫu số S31-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Đối tượng: Công ty TNHH Trung Hạnh

Loại tiền: VNĐ

Năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Thời hạn được CK	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>						<u>130.000.000</u>
02/12	HĐ16640	02/12	Mua ống nhựa		152		1.980.000		
					133		198.000		
04/12	HĐ16678	04/12	Mua thép cuộn		152		141.450.000		
					133		14.145.000		
06/12	PC 100	06/12	Trả tiền hàng		111	50.000.000			
		
			Cộng phát sinh			460.000.000	423.000.000		
			<u>Số dư cuối kỳ</u>						<u>93.000.000</u>

Biểu 2.22

CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ VINH LẬP

*Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng***BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN**

Tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331

Năm 2009

STT	Tên khách hàng	SDĐK		SPS trong kỳ		SDCK	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có

4	Cty TNHH Trung hạnh		130.000.000	460.000.000	423.000.000		93.000.000
5	Cty TNHH thương mại và vật tư Ngọc Diệp		50.000.000	200.000.000	210.000.000		10.000.000

Cộng			292.763.506	754.000.755	581.083.396		118.847.146

Biểu 2.23

- Đối với vật liệu mua về nhưng không nhập kho mà đưa thẳng xuống công trình như: đá, cát, vôi... kế toán căn cứ hoá đơn của người bán để nhập vào kho vật liệu như đối với trường hợp nhập vật liệu từ nguồn mua ngoài và viết Phiếu xuất kho luôn. Các phiếu nhập, xuất được phản ánh trên sổ kế toán giống như các trường hợp nhập kho từ nguồn mua ngoài và xuất kho dùng cho sản xuất.

2.2.3.3. Kế toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu

Vật liệu của công ty được xuất dùng để xây dựng các công trình, đáp ứng được tiến độ thi công và khi xuất vật liệu kế toán theo dõi chi tiết TK621 "chi phí nguyên vật liệu trực tiếp" cho từng công trình, nếu xuất vật liệu cho bộ phận quản lý đơn vị thì hạch toán vào TK627 "chi phí sản xuất chung", nếu xuất cho bộ phận QLDN thì được hạch toán vào TK642 "Chi phí QLDN",... khi xuất dùng vật liệu kế toán ghi:

Nợ TK 621 chi tiết cho từng công trình

Nợ TK 623 chi phí sử dụng máy thi công

Nợ TK 627 chi tiết cho từng công trình

Nợ TK 641 chi phí bán hàng

Nợ TK 642 chi phí vật liệu phục vụ cho văn phòng công ty

Có TK 152 nguyên vật liệu

Kế toán xuất vật liệu phục vụ sản xuất

Khi tiến hành xuất vật liệu căn cứ vào số lượng vật tư yêu cầu được tính toán theo định mức sử dụng của cán bộ kỹ thuật và sự phê duyệt của Giám đốc công ty, căn cứ vào "Lệnh xuất vật tư" kế toán lập "Phiếu xuất kho"

Từ Phiếu xuất kho kế toán tiến hành ghi Sổ nhật ký chung và vào Sổ cái Tk 152, 621. Kế toán còn tiến hành ghi Sổ chi tiết Nguyên vật liệu, cuối tháng lập Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu.

Ví dụ 7: Ngày 12/12/2009 xuất kho Bulông M20x80 với số lượng là 1.000 cái, đơn giá 6.000đồng/cái và que hàn số lượng là 500 kg, đơn giá là

16.500đồng/kg phục vụ công trình đang thi công.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 621: 14.250.000

Có TK 152: 14.250.00

Kế toán xuất vật liệu cho sản xuất chung

Vật liệu dùng cho nhu cầu sản xuất chung chủ yếu là các loại vật liệu phụ như: xăng, dầu, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, vật liệu xuất cho sản xuất chung không chi tiết cho từng công trình mà được tập hợp chung và phân bổ cho từng công trình theo những tiêu thức thích hợp:

Định khoản như sau:

Nợ TK 627: chi phí vật liệu cho sản xuất chung

Có TK 152: giá trị vật liệu xuất kho

Kế toán xuất vật liệu cho nhu cầu quản lý

Ngoài phục vụ cho sản xuất, vật liệu còn được xuất kho sử dụng cho nhu cầu quản lý, khi đó kế toán ghi sổ như sau:

+) Nợ TK 642: chi phí vật liệu cho quản lý doanh nghiệp

Có TK 152: giá trị vật liệu xuất kho

Ví dụ 8: Ngày 10/12 xuất vật tư để sửa lại văn phòng công ty

Nợ TK 642: 500.000

Có TK 152: 500.000

+) Nợ TK 641: Chi phí bán hàng

Có TK 152: giá trị vật liệu xuất kho

Ví dụ 9: Ngày 6/12 xuất nhiên liệu cho cán bộ đi kiểm tra công trình

Nợ TK 641: 850.000

Có TK 152: 8500.000

CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ VINH LẬP

*Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng***LỆNH XUẤT KHO**

STT	Tên hàng	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bulông M20x80	0466	cái	1.000
2	Que hàn	1869	kg	500

Ngày 12 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.24

CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ

Mẫu số 02-VT

VINH LẬP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Số 22

Ngày 05 tháng 12 năm 2009

Nợ Tk 621:

Có Tk 152:

- Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Thắng

- Lý do xuất kho: Xuất kho vật tư phục vụ công trình đang thi công

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bulông	0466	Cái	1.000	1.000		
2	Que hàn	1869	Kg	500	500		
	Cộng			1.500	1.500		

- Tổng số tiền (Viết bằng chữ):

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ

Ngày 12 tháng 12 năm 2009

Người lập

Người nhận

Thủ kho

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.25

CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT

Mẫu số S03a – DN

TƯ VINH LẬP

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày

Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng

20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2009

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có
		
3/12	HĐ 16661	3/12	Mua xi măng		152	68.000.000	
					133	6.800.000	
					112		74.800.000
3/12	HĐ 16670	3/12	Nhập tôn		152	24.500.000	
					133	2.450.000	
					111		26.950.000
4/12	HĐ 16678	4/12	Nhập kho thép		152	24.600.000	
					133	2.460.000	
					331		27.060.000
...		
6/12	PC 100	6/12	Thanh toán tiền		111	50.000.000	
			mua vật tư		331		50.000.000
6/12	PX 110	6/12	Xuất vật tư cho		641	850.000	
			QI bán hàng		152		850.000
10/12	PX150	10/12	Xuất vật tư cho		642	500.000	
			QLDN		152		500.000
12/12	PX 180	12/12	Xuất vật tư phục		621	14.250.000	
			vụ sản xuất		152		14.250.000

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.26

CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ VINH LẬP

Mẫu số S03b-DN

Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI**

Năm 2009

Tên Tk: Nguyên vật liệu

Số hiệu: 152

Đơn vị tính: Đồng

Ngày Tháng Ghi Số	Chứng từ		Số Hiệu Tk Đổi ứng	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày, tháng		Nợ	Có	
			<u>Số dư đầu năm</u>		<u>5.490.234.000</u>	
			
3/12	HĐ16661	3/12	Nhập kho vật tư	112	8.900.000	
3/12	HĐ16670	3/12	Nhập kho vật tư	111	24.500.000	
4/12	HĐ 16678	4/12	Nhập kho vật tư	331	24.600.000	
5/12	PX 100	5/12	Xuất kho vật tư	621		81.600.000
6/12	PX 110	6/12	Xuất vật tư cho QLBH	641		850.000
10/12	PX 150	10/12	Xuất vật tư cho QL	642		500.000
10/12	PX160	10/12	Xuất kho vật tư	621		24.600.000
12/12	PX180	12/12	Xuất kho vật tư	621		14.250.000
...		
			Cộng số phát sinh	
			<u>Số dư cuối năm</u>		<u>6.471.173.673</u>	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.27

CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ

Mẫu số S03b-DN

VINH LẬP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2009

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu năm</u>			
			...			
5/12	PX 100	5/12	Xuất kho vật tư	152	81.600.000	
10/12	PX160	10/12	Xuất kho vật tư	152	24.600.000	
12/12	PX180	12/12	Xuất kho vật tư	152	14.250.000	
...		
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 2.28

CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ

Mẫu số 07 - VT

VINH LẬP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG PHÂN BỐ NGUYÊN LIỆU, VẬT LIỆU

Tháng 12 năm 2009

STT	Ghi Có các TK Ghi Nợ các TK	Tài khoản 152	
		Hạch toán	Thực tế
1	TK 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp		
	Công trình Nhà văn hóa thôn Bạch Đằng		226.310.664,4
	Công trình Nhà văn hóa An Áo		249.022.961
	...		
2	TK 623 – Chi phí sử dụng máy thi công		
	Công trình Nhà văn hóa thôn Bạch Đằng		2.903.715,5

3	Tk 627 – Chi phí sản xuất chung		
	Công trình Nhà văn hóa thôn Bạch Đằng		17.949.816,8

	Cộng		...

Người lập biểu

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Biểu 2.29

BẢNG KÊ XUẤT VẬT TƯ HÀNG HOÁ

Năm 2009

Xuất cho đối tượng: Công trình Nhà văn hoá An Áo

STT	Diễn giải	ĐVT	Mã số	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Ô xy	chai	0015	0,1737	47.500	8.250,750
2	Đá trắng	kg	0045	169,29	500	84.645,000
3	Xi măng PC30	kg	1125	1.853,3228	895,29	1.659.261,370
	...					
	Cộng		

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

*(ký, họ tên)***Biểu 2.30****2.2.3.4. Công tác kiểm kê kho tại công ty TNHH Thương mại và Vật tư Vinh lập:**

Cũng như các doanh nghiệp khác, theo quy định của Nhà nước, mỗi năm các doanh nghiệp phải thực hiện kiểm kê hàng tồn kho và các tài sản khác một lần vào cuối năm. Mục đích của kiểm kê nguyên vật liệu là xác định lại số lượng, chất lượng, giá trị của nguyên vật liệu còn tồn kho, phát hiện chênh lệch giữa sổ sách và thực tế nhằm bảo vệ tài sản chẵn chính công tác quản lý nguyên vật liệu tại công ty.

Trước mỗi lần kiểm kê, thủ kho phải hoàn tất thẻ kho để tạo điều kiện cho việc kiểm kê. Đồng thời ở phòng kế toán các sổ sách kế toán về nguyên vật liệu đều phải được khoá sổ sau khi kế toán tính toán ra giá trị tồn kho của nguyên vật

liệu. Thông qua việc cân, đo, đong,... Hội đồng kiểm kê thể hiện kết quả kiểm kê trên “ Biên bản kiểm kê vật tư”.

Căn cứ vào kết quả kiểm kê, giám đốc công ty cùng hội đồng kiểm kê sẽ có biện pháp xử lý thích hợp với những trường hợp vi phạm, sai trái. Kế toán dựa vào kết quả kiểm kê để tiến hành ghi sổ sách. Biên bản kiểm kê lập thành 02 bản:

- 01 bản phòng kế toán lưu
- 01 bản thủ kho lưu

Sau khi lập xong biên bản, trưởng ban kiểm kê và thủ kho cùng ký vào biên bản.

Nhìn chung, công tác kiểm kê kho của công ty TNHH Thương mại và Vật tư Vinh lập trong năm hoạt động vừa qua được thực hiện tốt, không có trường hợp mất mát gì.

PHẦN 3

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ VINH LẬP

3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY

Nền kinh tế thị trường với những đổi mới thực sự trong cơ chế quản lý tài chính đã khẳng định vai trò vị trí của thông tin kế toán trong doanh nghiệp. Kế toán là một công cụ hữu hiệu nhất để điều hành, quản lý, kiểm tra, tính toán hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh trong doanh nghiệp.

Khi xu thế cạnh tranh ngày càng lành mạnh giữa các doanh nghiệp, giá cả là yếu tố cốt yếu quyết định “số phận” của sản phẩm, lợi nhuận của công ty. Như chúng ta đã biết, nguyên vật liệu thường chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Hạch toán kế toán nguyên vật liệu đầy đủ, chính xác là một trong những yếu tố đảm bảo cho giá thành được phản ánh chân thực. Trên cơ sở đó các nhà quản lý phân tích và tìm cách tiết kiệm nguyên vật liệu để giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, công tác hạch toán kế toán nguyên vật liệu là một phần hành không thể thiếu trong các doanh nghiệp sản xuất.

Công ty TNHH Thương mại và vật tư Vinh lập đã có rất nhiều cố gắng trong tổ chức công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu, song vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục để đáp ứng hơn nữa yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời và đồng bộ nguyên vật liệu cho sản xuất, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu hợp lý, tiết kiệm, ngăn ngừa các hiện tượng hao hụt, mất mát, lãng phí nguyên vật liệu trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất kinh doanh, từ đó tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, giá thành hạ, đáp ứng nhu cầu của

thị trường, tăng lợi nhuận cho công ty. Do đó, việc nghiên cứu các biện pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu tại công ty là vô cùng quan trọng.

3.2. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ VINH LẬP.

Công ty TNHH thương mại và vật tư Vinh Lập là một doanh nghiệp tư nhân mới thành lập, để đứng vững trên thị trường công ty gặp phải không ít khó khăn. Trên thực tế, ban lãnh đạo công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã từng bước tháo gỡ những khó khăn, vượt qua thử thách, dần tự khẳng định mình. Đó là kết quả phấn đấu bền bỉ, liên tục của toàn công ty. Kết quả đó không chỉ đơn thuần là sự tăng trưởng về mặt vật chất mà còn là sự lớn mạnh toàn diện về trình độ quản lý, làm việc của công ty.

Trong hoạt động kinh doanh, công ty đã thực hiện xuất sắc các kế hoạch kinh doanh, phương án đề ra trong từng chu kỳ kinh doanh cụ thể. Công ty rất chú trọng đến công tác quản lý nhân sự, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung các cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn, có năng lực. Bên cạnh đó, công ty còn có những biện pháp khen thưởng, kỷ luật kịp thời nhằm tạo kỷ cương lao động cho doanh nghiệp.

Để nâng cao kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã tổ chức quản lý một cách tối đa các yếu tố chi phí đầu vào, đặc biệt là nguyên vật liệu. Đây là yếu tố chi phí lớn nhất trong giá thành sản phẩm sản xuất ra.

Trong công tác kế toán, công ty áp dụng kế toán theo hình thức Nhật ký chung, giúp cho ban lãnh đạo công ty thực hiện việc kiểm tra, kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh một cách thuận lợi và dễ dàng, cung cấp thông tin kịp thời phục vụ cho việc chỉ đạo sản xuất của công ty.

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức một cách hợp lý, hoạt động có nề nếp. Các cán bộ kế toán nhiệt tình, yêu nghề, tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán hiện hành và có vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo, khoa học, có tinh

thần tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc đem lại hiệu quả cao.

Công ty thực hiện tổ chức công tác kế toán phù hợp với tình hình hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời đảm bảo tuân thủ nghiêm túc các chính sách, chế độ, luật kế toán, chuẩn mực kế toán do Nhà nước ban hành.

3.2.1. Ưu điểm:

❖ Về tổ chức bộ máy quản lý:

Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng phục vụ có hiệu quả giúp lãnh đạo công ty trong việc giám sát thi công, quản lý kinh tế, công tác tổ chức sản xuất, tổ chức hạch toán được tiến hành hợp lý, khoa học, phù hợp với điều kiện hiện nay. Phòng kế toán của công ty được bố trí hợp lý, phân công công việc cụ thể, rõ ràng công ty đã có đội ngũ nhân viên kế toán trẻ, có trình độ năng lực, nhiệt tình và trung thực... đã góp phần đặc lực vào công tác hạch toán và quản lý kinh tế của công ty. Công ty có đội ngũ kế toán giàu kinh nghiệm, nhiệt tình, có trình độ trong công việc cũng như sự nhạy bén trong việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp thông tin kế toán. Các số liệu sau khi được tổng hợp sẽ được kế toán trưởng kiểm tra.

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán:

Công ty TNHH thương mại và vật tư Vinh Lập hiện có bộ máy kế toán tổ chức tương đối gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả, thực hiện theo đúng chế độ hiện hành, phù hợp với quy mô của công ty theo mô hình trực tuyến chức năng. Với hình thức tổ chức kế toán tập trung, bộ máy kế toán đã phát huy hiệu quả của mình trong việc tăng cường hạch toán phục vụ cho quản lý và công tác kế toán nguyên vật liệu.

Trong phòng Kế toán, các nhân viên kế toán có trình độ tay nghề phù hợp, nhiệt tình với công việc đã tạo điều kiện tốt cho công tác hạch toán.

Trong công tác kế toán có sự phân công phân nhiệm vụ cụ thể đến từng cán bộ với từng phần hành kế toán một cách hợp lý. Các nhân viên kế toán phải chịu trách nhiệm trực tiếp trước kế toán trưởng về phần hành của mình, đảm bảo

cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng kịp thời cho đối tượng sử dụng.

Cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn bộ cán bộ công nhân viên trong công ty, tập thể cán bộ phòng Kế toán – Tài chính không ngừng trau dồi trình độ nghiệp vụ của mình, trở thành công cụ đắc lực trong công tác hạch toán của công ty. Phòng kế toán tài chính đã thực hiện tốt các công việc của mình từ việc thu nhận, xử lý, nhập dữ liệu và công tác kết chuyển cuối tháng, tính giá thành sản phẩm, xác định kết quả kinh doanh. Việc sử dụng các chứng từ cũng như trình tự luân chuyển chứng từ thực hiện theo đúng quy định của Bộ tài chính ban hành. Thực hiện các chế độ hạch toán kinh tế, nộp thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước

❖ Về hình thức kế toán, chứng từ, sổ sách:

Về công tác hạch toán vật liệu kế toán công ty đã tổ chức hạch toán vật liệu theo từng công trình, hạng mục công trình, trong từng tháng, từng quý rõ ràng. Một năm công ty hạch toán vào 4 quý, một quý 3 tháng được hạch toán một cách đơn giản, phục vụ tốt yêu cầu quản lý vật liệu, công cụ dụng cụ.

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ sách kế toán theo hình thức Nhật ký chung. Đây là một hình thức đơn giản, phù hợp với yêu cầu quản lý cũng như đặc điểm hoạt động của công ty. Nó có ưu điểm là ghi chép rõ ràng, chi tiết, dễ xem, dễ kiểm tra, dễ hiểu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lập báo cáo tài chính.

Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán được áp dụng theo đúng những nguyên tắc của Bộ tài chính ban hành. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra luân chuyển phù hợp với nghiệp vụ kinh tế phát sinh đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, đảm bảo thông tin nhanh và hiệu quả .

Công ty áp dụng phương pháp kế toán tổng hợp Hàng tồn kho theo phương pháp Kế khai thường xuyên. Phương pháp này có nhiều ưu việt vì hàng tồn kho, đặc biệt là nguyên vật liệu luôn được theo dõi, kiểm tra một cách thường xuyên, liên tục, kịp thời, phù hợp với đặc điểm, lĩnh vực của một công ty xây dựng.

Bên cạnh đó việc hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song là rất phù hợp với công ty, phù hợp với trình độ kế toán của kế toán viên cũng như thủ kho, giúp công tác đối chiếu giữa thủ kho và phòng kế toán được nhanh chóng, thuận tiện, dễ dàng, chính xác. Phương pháp thẻ song song này đơn giản, dễ thực hiện và tiện lợi.

❖ Về công tác quản lý và sử dụng nguyên vật liệu: Nhằm đảm bảo không bị hao hụt, công ty TNHH thương mại và vật tư Vinh lập hiện có kho bảo quản vật liệu. Như vậy đã giúp cho kế toán thuận tiện hơn trong quá trình hạch toán giúp cho việc kiểm tra quá trình thu mua, dự trữ và bảo quản, sử dụng dễ dàng hơn.

➤ *Trong khâu thu mua:* Do đặc điểm sản xuất của công ty diễn ra một cách thường xuyên do đó việc thu mua vật tư phục vụ sản xuất cũng được thực hiện một cách thường xuyên, với khối lượng thu mua mỗi lần là lớn, nhiều chủng loại khác nhau nên có thể tiết kiệm được chi phí vận chuyển, hao phí. Nguyên vật liệu luôn được thu mua bởi nhân viên có năng lực, am hiểu về giá cả, luôn đảm bảo cho việc cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất một cách kịp thời, đảm bảo chất lượng.

➤ *Trong khâu sử dụng:* Mọi nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu đều có sự giám sát quản lý chặt chẽ của giám đốc. Qua đó cho thấy công ty rất chú trọng đến mục tiêu sử dụng tiết kiệm vật tư sản xuất góp phần giảm thiểu chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

3.2.2. Hạn chế:

Bên cạnh các ưu điểm kể trên, công tác kế toán tại công ty nói chung và công tác nguyên vật liệu nói riêng cũng không tránh khỏi những nhược điểm: Về tổ chức bộ máy quản lý: Việc tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ là rất cần thiết, nhưng do yêu cầu thị trường hiện nay, mỗi công trình được công ty xây dựng là phải đảm bảo chất lượng, tiến độ thi công nhanh, hạ giá thành, từng công trình hoàn thành bàn giao có giá trị lớn, nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lúc đó một kế toán và một thủ kho là số ít. Có thể trong cùng thời gian một đội

thi công từ 1 đến 2 công trình, địa bàn nằm ở khác nhau. Do vậy việc bố trí gọn nhẹ này làm cho công tác kế toán vật liệu ở các đội thi công nhiều công trình là thiếu chính xác, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý sản xuất nói chung và hạch toán chi phí vật liệu nói riêng, vấn đề này phòng kế toán công ty và giám đốc cần sớm quan tâm giải quyết sao cho hài hoà đảm bảo đúng quy định về tổ chức công tác kế toán.

❖ Quản lý nguyên vật liệu: Do là công ty xây dựng nên nguyên vật liệu trong công ty rất phong phú và đa dạng và nhiều chủng loại. Công tác quản lý nguyên vật liệu chưa được khoa học. Có rất nhiều loại nguyên vật liệu khác nhau, có vai trò khác nhau trong quá trình sản xuất, kế toán không phân loại theo từng loại, từng nhóm riêng để dễ dàng trong công tác quản lý. Hiện nay, các loại nguyên vật liệu được đưa hết vào trong một kho quản lý chung chung nên sẽ gặp nhiều khó khăn, không rõ ràng, gọn nhẹ và khoa học.

❖ Việc ứng dụng phần mềm kế toán: Ngày nay khoa học phát triển nhưng công ty vẫn sử dụng kế toán thủ công không đem lại hiệu quả cao trong công việc. Hơn nữa, kế toán thủ công vừa mất nhiều thời gian, độ chính xác không cao, đôi khi còn không đảm bảo tiến độ thời gian yêu cầu.

❖ Cuối kỳ công ty không thực hiện việc lập báo cáo vật tư còn tồn lại: Như vậy sẽ không có căn cứ chính xác để kiểm tra theo dõi tình hình sử dụng định mức vật tư, lượng vật tư tồn lại cuối kỳ.

❖ Chưa lập sổ danh điểm vật tư để phục vụ cho việc quản lý vật tư:

❖ Chưa lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

❖ Thủ tục nhập – xuất kho trong công ty đôi khi còn rườm rà, rắc rối: Trên thực tế, công trình thi công đang cần gấp nguyên vật liệu để sản xuất, khi đó thì nguyên vật liệu thực tế mua về sẽ được chuyển thẳng tới chân công trình mà không qua công đoạn nhập kho. Như vậy ta có thể hạch toán thẳng vào chi phí

mà không cần qua kho. Nhưng kế toán công ty vẫn tiến hành các thủ tục nhập kho bình thường rồi mới xuất.

3.3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ VINH LẬP.

3.3.1. Hoàn thiện về việc mở sổ Danh điểm vật tư

Sổ Danh điểm vật tư là danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu mà công ty đã và đang sử dụng. Trong Sổ Danh điểm vật tư được theo dõi từng loại, từng nhóm, từng quy cách chặt chẽ giúp cho công tác quản lý và hạch toán nguyên vật liệu ở công ty được thống nhất, dễ dàng.

Trên cơ sở phân loại nguyên vật liệu của công ty sẽ tiến hành xác lập danh điểm theo loại, nhóm, thứ nguyên vật liệu. Cần phải quy định thống nhất tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, quy cách, đơn vị tính của từng loại nguyên vật liệu. Công ty có thể xác định bộ mã nguyên vật liệu dựa vào các đặc điểm sau đây:

- Dựa vào các loại nguyên vật liệu
- Dựa vào số nhóm nguyên vật liệu trong mỗi loại
- Dựa vào số thứ tự nguyên vật liệu trong mỗi loại

Trước hết bộ mã vật liệu được xác định trên cơ sở số hiệu các tài khoản cấp 2. Cụ thể, trong sổ Danh điểm vật tư nên sử dụng bốn chữ số đầu để quy định nguyên vật liệu. hai chữ số tiếp theo quy định nhóm nguyên liệu và có thể có nhiều chữ số đằng sau nữa biểu hiện quy cách của nguyên vật liệu

Ví dụ:

Nhóm vật liệu chính: 1521

- Loại xi măng: 1521-01
 - Xi măng trắng HP: 1521-01-01
 - Xi măng rời PC30HP: 1521-01-02
 -
- Loại đá: 1521-02

- Đá 1x2: 1521-02-01
- Đá 2x4: 1521-02-02
- Đá 4x6: 1521-02-03

....

Nhóm vật liệu phụ: 1522

- Loại dây thép: 1522-01
- Dây thép fi 4: 1522-01-01
- Dây thép fi 3.2: 1522-01-02

SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ

Ký hiệu		Tên, quy cách, chủng loại nguyên vật liệu	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm vật tư				
1521		Nhóm vật liệu chính			
1521-01		Xi măng			
	1521-01-01	Xi măng trắng HP			
	1521-01-02	Xi măng rời PC 30HP			
			
1521-02		Đá			
	1521-02-01	Đá 1x2			
	1521-02-02	Đá 2x4			
	1521-02-03	Đá 4x6			
			
1522		Nhóm vật liệu phụ			
1522-01		Dây thép			
			

3.3.2. Hoàn thiện về việc lập báo cáo vật tư cuối kỳ

Khi xuất kho vật tư phục vụ nhu cầu sản xuất có thể có nhiều trường hợp chưa sử dụng hết ngay số vật tư đó, lượng tiêu hao nguyên vật liệu thực tế ít hơn kế hoạch. Chính vì vậy, để có thể theo dõi lượng vật tư tồn cuối kỳ ở đơn vị sử dụng, đồng thời có căn cứ chính xác hơn để kiểm tra tình hình định mức sử dụng vật tư, các đơn vị sử dụng vật tư cần lập Phiếu báo cáo vật tư còn lại cuối kỳ và định kỳ gửi lên phòng kế toán.

**CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT
TƯ VINH LẬP**

Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng

Mẫu số 04-VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-

BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU BÁO CÁO VẬT TƯ TỒN CUỐI KỲ

Ngày...tháng...năm...

Bộ phận sử dụng:

TT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Lý do: còn sử dụng hay trả lại

Phụ trách bộ phận

Hàng tháng, bộ phận sử dụng vật tư sẽ kiểm tra, phát hiện số vật tư vẫn còn tồn lại cuối kỳ, căn cứ vào từng loại nguyên vật liệu và khả năng sử dụng chúng ở kỳ tiếp theo mà có thể có biện pháp giải quyết cụ thể.

Số lượng vật tư còn lại cuối kỳ ở đơn vị sử dụng có thể phân thành hai loại như sau:

- Nếu số vật tư đó không sử dụng ở kỳ tiếp theo thì lập Phiếu nhập kho và nhập lại kho của công ty để quản lý và sử dụng.
- Nếu số vật tư vẫn còn sử dụng để tiếp tục sản xuất trong kỳ tiếp theo thì đơn vị sử dụng vật tư đó lập Phiếu báo vật tư cuối kỳ và lập thành hai

liên:

- Một liên giao cho phòng thiết kế thi công
- Một liên giao cho phòng kế toán

3.3.3. Hoàn thiện về thủ tục nhập kho, xuất kho nguyên vật liệu

Nguồn nguyên vật liệu chủ yếu là do mua ngoài nên khi công ty mua nguyên vật liệu thường có hai trường hợp xảy ra:

- Nguyên vật liệu mua về tiến hành thủ tục nhập kho luôn và sau đó căn cứ theo yêu cầu sản xuất mà làm thủ tục xuất kho.
- Do nhu cầu cần nguyên vật liệu ngay nên nguyên vật liệu mua về không tiến hành nhập kho mà xuất thẳng tới chân công trình thi công.

Trong

trường hợp này mặc dù trên thực tế là đã không nhập kho mà đưa vào sử dụng trong sản xuất luôn nhưng kế toán vẫn phải tiến hành làm thủ tục nhập kho và xuất kho để hạch toán như trường hợp 1. Như vậy, việc thực hiện các thủ tục nhập kho, xuất kho nhiều khi mang tính chất hình thức, phục vụ cho nhu cầu quản lý.

Để xác định bộ chứng từ gốc làm căn cứ ghi Nợ TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, công ty có thể sử dụng hóa đơn mua hàng và phiếu cấp hạn mức vật tư cùng Biên bản giao nhận giữa bộ phận cung ứng và bộ phận sản xuất.

CTY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ VẬT TƯ

VINH LẬP

Kênh giang – Thủy nguyên – Hải phòng

BIÊN BẢN GIAO NHẬN VẬT TƯ

Sinh viên: Lương Thị Hồng Nhung

97

Lớp: QT 1003K

Ngày... tháng... năm...

Chúng tôi gồm:

Ông(Bà):Người cung ứng

Ông(Bà):Người nhận

Đã tiến hành bàn giao sử dụng các loại vật tư sau:

STT	Tên, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Số lượng

Ngày... tháng... năm...

Đại diện bên nhận
(ký, họ tên)

Đại diện bên nhận
(ký, họ tên)

3.3.4. Một số biện pháp khác nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH Thương mại và Vật tư Vinh lập

3.3.4.1. Hoàn thiện về việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Mặc dù nguyên vật liệu của công ty được mua theo kế hoạch và yêu cầu của công tác sản xuất, nguồn kinh phí thu mua nguyên vật liệu được chuẩn bị trước nên không cần quan tâm đến việc dự trữ nhiều loại vật tư trong kho. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty có đặc điểm là xây dựng các công trình mà các công trình thường được xây dựng trong thời gian dài nên nguyên vật liệu khi mua về chưa được sử dụng ngay hết mà được để lại kho. Và khi đó có thể có những biến động nhất định về giá cả nguyên vật liệu. Để có thể khắc phục được hạn chế này em xin đưa ra ý kiến là công ty nên sử dụng tài khoản 159 “ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”

Dự phòng là khoản tính trước để đưa vào chi phí sản xuất kinh doanh phần giá bị giảm thấp hơn giá trị đã ghi sổ kế toán của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư, sản phẩm, hàng hoá tồn kho bị giảm giá, đồng thời cũng phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập

báo cáo tài chính vào cuối kỳ hạch toán.

Căn cứ vào tình hình giảm giá thực tế, kế toán tính toán và xác định được mức trích lập dự phòng.

- Cuối kỳ kế toán năm(hoặc quý) khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 159: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Cuối kỳ kế toán năm(hoặc quý) tiếp theo:

Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn ghi:

Nợ TK 632

Có TK 159

Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn ghi:

Nợ TK 159

Có TK 632

3.3.4.2. Hoàn thiện về việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán

Cùng với sự phát triển ngày càng cao của công nghệ khoa học kỹ thuật, xu hướng phát triển nhanh chóng trên thế giới, việc áp dụng công nghệ thông tin trong hạch toán kế toán là rất cần thiết.

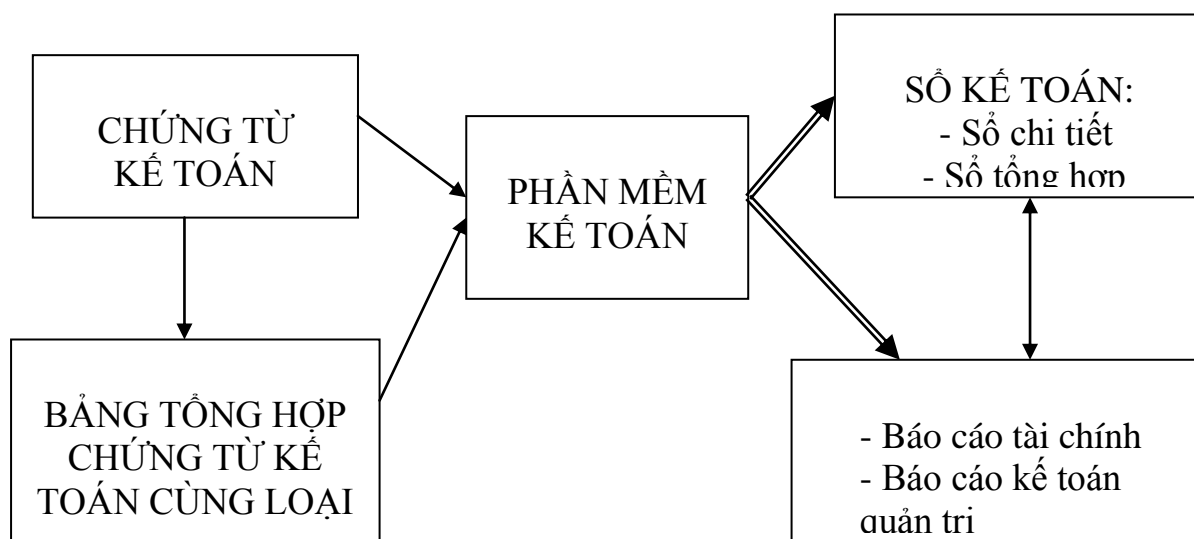
Công ty TNHH thương mại và vật tư Vinh lập có trang bị máy tính phục vụ yêu cầu công việc của các kế toán viên. Tuy vậy, việc sử dụng công nghệ thông tin vẫn còn rất nhiều hạn chế.

Việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trong công tác kế toán có nhược điểm là chi phí đầu vào cao, nhưng hiệu quả mang lại là rất lớn. Nó giúp giảm nhẹ khối lượng công việc của kế toán viên, nâng cao độ tin cậy, độ chính

xác của các con số trong kế toán.

Cụ thể, công ty nên đặt mua một Phần mềm kế toán riêng. Hiện nay có rất nhiều các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã và đang sử dụng các phần mềm được thiết lập riêng cho từng công ty. Sử dụng phần mềm có thể giảm bớt nhân lực so với hạch toán kế toán thủ công mà vẫn đảm bảo chất lượng công việc.

Trình tự kế toán áp dụng khi sử dụng phần mềm kế toán(Theo hình thức Nhật ký chung) được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ14: Trình tự kế toán trên máy vi tính

Trong đó:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Khi áp dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán. Hàng ngày, các kế toán viên chỉ cần nhập số liệu vào máy tính, phần mềm sẽ tự động cập nhật vào sổ nhật ký chung và các sổ liên quan. Cuối tháng, cuối quý, cuối kỳ cũng sẽ tự động lập các bảng tổng hợp và các báo cáo cần thiết.

Một số phần mềm kế toán trên thị trường: SASINNOVA, FAST ACCOUTING, MISA, ESOF...